



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

5

Tháng 3 - 2009

**DIỄN ĐÀN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG NĂM 2009 :  
“NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI LĨNH VỰC NƯỚC THẢI  
VÀ RÁC THẢI Ở VIỆT NAM**

**Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2009**



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân tham gia  
Đoàn chủ tịch Diễn đàn



Toàn cảnh Diễn đàn

THÔNG TIN  
**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ CHÍN**

**5**

**SỐ 5 - 3/2009**

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 09/2009/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác 5
- Nghị định số 23/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở 6
- Thông tư số 01/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng Quy định một số nội dung về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và hướng dẫn mẫu hợp đồng mua bán căn hộ nhà chung cư trong dự án đầu tư xây dựng của tổ chức kinh doanh nhà ở 8
- Thông tư số 02/2009/TT-BXD về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung điểm 2 Mục II Thông tư số 04/2004/TT-BXD ngày 07/7/2004 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định 78/2004/QĐ-TTg ngày 7/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế chính sách để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở tại các tỉnh thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long 9
- Thông tư số 02/2009/TT- BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập kế hoạch đấu thầu 10

#### Văn bản của địa phương

- Quyết định số 12/2009/QĐ- UBND của UBND tỉnh KonTum về việc ban hành mức thu, tỷ lệ phân bổ số thu, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum 11
- Quyết định số 19/2009/QĐ- UBND của UBND thành 12



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc\_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ : 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

phố Hồ Chí Minh quy định về diện tích tối thiểu sau khi tách thửa

### **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiệm thu đề tài:
  - + Tiêu chuẩn: "Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử" (Mã số TC: 12- 08) 14
  - + Tiêu chuẩn "Xi hạt lò cao - Phương pháp phân tích hoá học" 15
  - + Tiêu chuẩn "Tro bay - Phương pháp phân tích hoá học" 16
- Hội nghị thẩm định nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn 17
- Sự phát triển công nghệ Nano trên thế giới và ở Việt Nam 18
- Thông báo danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận trong tháng 2/2009 21
- Cách tiếp cận đồng bộ trong xây dựng các tiểu khu nhà ở 23
- Tin xây dựng quốc tế qua mạng internet 25

### **Thông tin**

- Hội nghị giao ban các Sở Xây dựng phía Bắc 29
- Diễn đàn phát triển đô thị bền vững 2009: Những thách thức đối với lĩnh vực nước thải và rác thải ở Việt Nam 30
- Hội nghị tập huấn Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị quyết 33/2008/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện thí điểm một số thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng đối với dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp 34
- Thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai được công nhận là đô thị loại II 36
- Thành phố Đà Lạt được đề nghị công nhận là đô thị loại I 37
- Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng tổ chức Lễ mít tinh kỷ niệm 99 năm ngày Quốc tế phụ nữ 8- 3 và 1969 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng 39
- Hội thảo "Nâng cao tính chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật" 40
- Kinh nghiệm Đài Loan trong việc huy động người dân tham gia xây dựng công trình công cộng để phát triển kiến trúc 42
- Một số biện pháp phòng tránh tình trạng chậm thanh toán trong xây dựng cơ bản 43
- Kiến nghị về công tác quản lý năng lực doanh nghiệp 45

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

**TS. ĐẶNG KIM GIAO**

### **Ban biên tập:**

THS.KTS. NGUYỄN HÙNG OANH  
(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS. HUỲNH PHƯỚC

CN. ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN. HOÀNG ĐẠI HẢI

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGHIÊM THỊ THÚY GIANG



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Nghị định số 09/2009/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác**

Ngày 05/02/2009, Chính phủ đã có Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/03/2009 và thay thế Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác

Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP quy định việc quản lý tài chính đối với công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp khác thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã. Đối với một số công ty nhà nước có đặc thù về quản lý tài chính thì ngoài việc thực hiện các quy định tại Nghị định này còn thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ về đặc thù đó.

Theo Quy chế này, Công ty nhà nước được quyền chủ động sử dụng vốn nhà nước giao, các loại vốn khác, các quỹ do công ty nhà nước quản lý vào hoạt động kinh doanh của công ty nhà nước và chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu về bảo toàn, phát triển vốn, hiệu quả sử dụng vốn; đảm bảo quyền lợi của những người liên quan đến công ty nhà nước như các chủ nợ, khách hàng, người lao động theo các hợp đồng đã giao kết.

Công ty nhà nước được quyền huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong phạm vi hệ

số nợ phải trả trên vốn điều lệ của công ty không vượt quá 3 lần. nếu công ty có nhu cầu vay vốn vượt quá 3 lần vốn điều lệ thì phải báo cáo đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định trên cơ sở các dự án huy động vốn có hiệu quả.

Các công ty nhà nước phải sử dụng tối thiểu 70% tổng nguồn vốn đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh chính của công ty. Tổng mức đầu tư ra ngoài công ty nhà nước không vượt quá mức vốn điều lệ của công ty nhà nước. Riêng đối với hoạt động đầu tư góp vốn vào các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, công ty nhà nước chỉ được đầu tư vào mỗi lĩnh vực một doanh nghiệp; mức vốn đầu tư không quá 20% vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn, nhưng phải đảm bảo mức vốn góp của công ty mẹ và các công ty con trong tổng công ty, tập đoàn không vượt quá 30% vốn điều lệ của tổ chức nhận góp vốn. Trường hợp đặc biệt có nhu cầu đầu tư vượt quá quy định này, công ty nhà nước phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Công ty nhà nước không được tham gia góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và kế toán trưởng công ty đó; không góp vốn hoặc mua cổ phần tại Quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán.

Các CTNN có mức vốn đầu tư ra ngoài ngành vượt quá mức quy định hoặc đã đầu tư góp vốn

vào quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán thì trong thời gian 2 năm kể từ ngày 25/3/2009, phải thực hiện điều chỉnh lại mức đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn.

Lợi nhuận sau cùng của công ty nhà nước được chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết; bù đắp các khoản lỗ của năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế; trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; trích lập các quỹ đặc

biệt. Số lợi nhuận còn lại sẽ được phân phối theo tỷ lệ giữa vốn nhà nước đầu tư tại công ty và vốn công ty tự huy động bình quân trong năm.

Đối với công ty nhà nước chưa được đầu tư đủ vốn điều lệ thì phần lợi nhuận được chia theo vốn nhà nước đầu tư được dùng để tái đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty nhà nước.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

### **Nghị định số 23/2009/NĐ-CP của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý, phát triển nhà và công sở**

Ngày 27/2/2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/5/2009.

Vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bao gồm các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động xây dựng; hoạt động kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển và công sở do tổ chức, cá nhân thực hiện cố ý hoặc vô ý vi phạm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt vi phạm hành chính.

Theo Nghị định này, ngoài hình thức xử phạt chính là phạt tiền đến 500 triệu đồng, người vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung (thu hồi, tước quyền sử dụng Giấy phép xây dựng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề; Tịch thu tang vật, phương tiện để sử dụng vi phạm hành chính) và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành

chính gây ra. Ngoài ra, tên của tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính, nội dung vi phạm, hình thức xử phạt và việc khắc phục hậu quả còn phải được công bố trên các Trang tin điện tử (Website của Bộ Xây dựng và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

Theo Nghị định này, chủ đầu tư vi phạm quy định về khảo sát xây dựng có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi: Không phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng hoặc phương án bổ sung nhiệm vụ khảo sát trước khi nhà thầu thực hiện khảo sát xây dựng; Để thất lạc các mốc, cao độ khi đã được nhà thầu khảo sát xây dựng bàn giao; Tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát không đúng trình tự, thủ tục quy định và không lưu trữ kết quả khảo sát theo quy định; bị phạt tiền từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng nếu tự thực hiện khảo sát xây dựng khi không đủ điều kiện năng lực hoặc không thực hiện giám sát khảo sát xây dựng, không tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.

Chủ đầu tư có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng trong trường hợp tự thực hiện lập dự án đầu tư xây dựng công trình khi không đủ điều kiện năng lực theo quy định; bị phạt tiền từ 20.000.000 đến 30.000.000 đồng nếu có hành vi vi phạm quy định về thiết kế, dự toán xây dựng công trình và từ 30.000.000 đến 40.000.000 đồng nếu tự thực hiện thiết kế xây dựng công trình khi không đủ điều kiện năng lực theo quy định.

Chủ đầu tư vi phạm quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đối với dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước có thể sẽ bị phạt tiền từ 20.000.000 đến 30.000.000 đồng nếu không thành lập ban quản lý dự án, không thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án trong trường hợp không đủ năng lực để tự thực hiện hoặc thành lập ban quản lý dự án không đủ điều kiện năng lực; Phạt tiền từ 40.000.000 đến 50.000.000 đồng đối với chủ đầu tư thay đổi nội dung của dự án không đúng quy định về điều chỉnh dự án.

Đối với các chủ đầu tư vi phạm về trật tự xây dựng như xây dựng sai phép, không có giấy phép, xây dựng sai thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt; xây dựng sai quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với công trình xây dựng được miễn giấy phép xây dựng... sau khi có quyết định đình chỉ thi công của cấp có thẩm quyền mà chủ đầu tư vẫn tái phạm thì tùy theo mức độ vi phạm, quy mô công trình vi phạm, sẽ bị xử phạt từ 300 - 500 triệu đồng và bị tước quyền sử dụng giấy phép xây dựng (nếu có).

Đối với các nhà thầu, nếu vi phạm một trong những hành vi như nghiệm thu khống, tổ chức bàn giao công trình cho chủ sở hữu, sử dụng công trình khi chưa tổ chức nghiệm thu theo quy định, báo cáo tài liệu, số liệu khảo sát không trung thực, không đúng quy định dẫn tới phải điều chỉnh thiết kế 2 lần trở lên... sẽ bị phạt từ 80.000.000 - 100.000.000 đồng.

Trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất

động sản, tổ chức, cá nhân có hành vi bán, cho thuê, cho thuê mua bất động sản thuộc diện phải qua Sàn giao dịch bất động sản mà không thông qua Sàn; bán, cho thuê, cho thuê mua bất động sản tại Sàn giao dịch bất động sản không đúng trình tự, thủ tục quy định hoặc không xác nhận hoặc xác nhận sai quy định các bất động sản đã qua Sàn thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đến 60.000.000 đồng. Phạt tiền từ 60.000.000 đến 70.000.000 đồng đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi kinh doanh bất động sản không đủ điều kiện hoặc không được phép đưa vào kinh doanh; vi phạm các quy định về huy động vốn trong đầu tư xây dựng dự án phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; vi phạm quy định về chuyển nhượng dự án phát triển nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

Trong lĩnh vực khai thác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, nghị định quy định phạt tiền từ 40.000.000 - 50.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng không có tiêu chuẩn chất lượng hoặc không đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đã được công bố, kinh doanh vật liệu xây dựng nhập khẩu không có xuất xứ.

Về quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, Nghị định quy định các mức xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi phi phạm quy định về bảo vệ khu vực an toàn giếng nước ngầm phục vụ cấp nước sinh hoạt, quy định về bảo vệ khu vực an toàn nguồn nước mặt phục vụ cấp nước sinh hoạt; vi phạm quy định về bảo vệ hành lang an toàn tuyến ống nước thô và đường ống truyền tải nước sạch; vi phạm quy định về bảo vệ an toàn các công trình kỹ thuật thuộc hệ thống cấp nước, bảo vệ và sử dụng mạng lưới cấp nước, khai thác và sử dụng hệ thống thoát nước, xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, bảo vệ cây xanh, công viên và vườn hoa; khai thác và sử dụng hè, đường; thu gom, vận chuyển và đổ rác thải; bảo vệ và sử dụng hệ thống chiếu sáng công cộng; bảo vệ, sử dụng

hệ thống tuy nện, hào kỹ thuật, khai thác và sử dụng công trình ngầm ...

Trong lĩnh vực quản lý và phát triển nhà và công sở, Nghị định quy định các hình thức và mức xử phạt đối với chủ đầu tư có hành vi vi phạm các quy định về phát triển nhà ở. Trong đó, mức xử phạt cao nhất từ 40.000.000 đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chủ đầu tư không dành quỹ đất trong dự án phát triển nhà ở thương mại để xây dựng quỹ nhà ở xã hội theo quy định; không đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật theo

đúng dự án đã được phê duyệt; không thực hiện cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo đúng đối tượng đã được duyệt.

Mức xử phạt cao nhất từ 20.000.000 đến 30.000.000 đồng đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về quản lý và sử dụng nhà công sở như: Lấn chiếm trái phép công sở; không thực hiện bảo trì công sở theo quy định hoặc sử dụng công sở không đúng mục đích.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

### **Thông tư số 01/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng Quy định một số nội dung về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và hướng dẫn mẫu hợp đồng mua bán căn hộ nhà chung cư trong dự án đầu tư xây dựng của tổ chức kinh doanh nhà ở**

Ngày 25/2/2009, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 01/2009/TT-BXD về Quy định một số nội dung về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và hướng dẫn mẫu hợp đồng mua bán căn hộ nhà chung cư trong dự án đầu tư xây dựng của tổ chức kinh doanh nhà ở.

Theo đó, tổ chức kinh doanh nhà ở (Bên bán) có trách nhiệm làm thủ tục để cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cho Bên mua căn hộ nhà chung cư. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ nhà chung cư bao gồm hồ sơ cơ sở và hồ sơ từng căn hộ nhà chung cư. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhà chung cư được nghiệm thu đưa vào sử dụng, tổ chức kinh doanh nhà ở (Bên bán) phải hoàn thành và nộp cho cơ quan cấp giấy chứng nhận hồ sơ cơ sở của nhà chung cư. Hồ sơ cơ sở được lập chung cho tất cả các căn hộ, phần sở hữu riêng trong nhà chung cư.

Diện tích căn hộ nhà chung cư được ghi theo diện tích sàn căn hộ, bao gồm cả diện tích ban công, lôgia của căn hộ đó (nếu có). Trong đó,

diện tích sàn được tính theo kích thước thông thủy của căn hộ hoặc tính theo kích thước từ tim tường chung và tim tường bao ngoài của căn hộ (tường chung là tường ngăn giữa hai căn hộ, tường bao ngoài là tường ngoài giữa căn hộ và hành lang, lối đi, mặt ngoài của căn hộ). Diện tích sàn căn hộ và cách tính diện tích này phải được ghi rõ trong hợp đồng mua bán căn hộ nhà chung cư và bản vẽ sơ đồ nhà ở.

Hợp đồng mua bán căn hộ nhà chung cư phải nêu đầy đủ phần diện tích thuộc sở hữu riêng của người mua, phần diện tích thuộc sở hữu chung của nhà chung cư (trong đó nêu cụ thể các phần sở hữu chung trong nhà chung cư quy định tại khoản 3 Điều 70 của Luật Nhà ở như hành lang, lối đi chung, cầu thang, thang máy, nơi để xe và các phần khác thuộc sở hữu chung). Trong trường hợp nhà chung cư có những công trình, diện tích thuộc sở hữu riêng của chủ đầu tư hoặc của chủ sở hữu khác thì phải nêu rõ (ví dụ như bể bơi, sân tennis, siêu thị, nơi để xe phục vụ cho mục đích kinh doanh



hoặc các phần diện tích khác). Chủ đầu tư phải đính kèm theo Bản nội quy quản lý sử dụng nhà chung cư đó (Bản nội quy này là một phần không thể tách rời của hợp đồng mua bán căn hộ nhà chung cư).

Hợp đồng mua bán căn hộ nhà chung cư phải ghi rõ giá bán căn hộ nhà chung cư đã bao gồm cả kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư (2% số tiền bán căn hộ). Trong hợp đồng phải nêu rõ dự kiến về mức phí phải đóng góp dùng cho công tác quản lý vận hành

nhà chung cư, nguyên tắc điều chỉnh mức phí đóng góp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ những quy định tại Thông tư 05/2006/TT-BXD ngày 1/11/2006 của Bộ Xây dựng về cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với căn hộ nhà chung cư trái với quy định của Thông tư này.

(Xem toàn văn tại: [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

## **Thông tư số 02/2009/TT-BXD về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung điểm 2 Mục II Thông tư số 04/2004/TT-BXD ngày 07/7/2004 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định 78/2004/QĐ-TTg ngày 7/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế chính sách để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở tại các tỉnh thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long**

Ngày 25/2/2009, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư 02/2009/TT-BXD hướng dẫn sửa đổi, bổ sung điểm 2 Mục II Thông tư số 04/2004/TT-BXD ngày 07/7/2004 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định 78/2004/QĐ-TTg ngày 7/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế chính sách để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở tại các tỉnh thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long như sau:

“2/ Quy cách đắp bờ bao khu dân cư có sẵn được xác định để áp dụng cho việc phân bổ vốn đối với các dự án đầu tư (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long được quy định như sau:

- Chiều rộng mặt bờ bao không > 2,5 m;
- Chiều cao bờ bao được xác định tại từng vị trí khác nhau căn cứ vào địa hình thực tế nơi đắp bờ bao nhưng tối đa không lớn hơn khoảng

cách tính từ đáy bờ bao tại vị trí xác định đến cốt đỉnh lũ năm 2000 cộng thêm 0,5m;

- Chiều rộng đáy bờ bao được xác định cụ thể trên cơ sở tính toán hệ số mái ta luy của bờ bao đảm bảo phù hợp với điều kiện địa chất thực tế tại nơi đắp bờ bao (theo quy định tiêu chuẩn kỹ thuật đắp đê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Quy cách đắp bờ bao thể hiện trong bản vẽ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các địa phương có khả năng huy động được nguồn kinh phí khác thì có thể đắp bờ bao với quy cách lớn hơn nhưng phải đảm bảo yêu cầu hoàn thành như quy định của Thủ tướng Chính phủ trong Quyết định số 1151/QĐ-TTg.”

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [moc.gov.vn](http://moc.gov.vn))

## **Thông tư số 02/2009/TT- BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập kế hoạch đấu thầu**

Ngày 17/2/2009, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 02/2009/TT- BKH hướng dẫn lập kế hoạch đấu thầu.

Đối tượng áp dụng của Thông tư này là cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch đấu thầu (chủ đầu tư) đối với các dự án đã được phê duyệt thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu.

Trường hợp gói thầu dịch vụ tư vấn được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án thì khi lập kế hoạch đấu thầu có thể tham khảo theo Thông tư này.

Việc lập kế hoạch đấu thầu được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 6 của Luật Đấu thầu và Điều 10 của Nghị định số 58/2008/NĐ-CP ngày 5/5/2008 của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Kế hoạch đấu thầu phải được người có thẩm quyền phê duyệt bằng văn bản sau khi phê duyệt quyết định đầu tư hoặc phê duyệt đồng thời với quyết định đầu tư trong trường hợp đủ điều kiện để làm cơ sở pháp lý cho chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu.

- Kế hoạch đấu thầu phải lập cho toàn bộ dự án; trường hợp chưa đủ điều kiện lập cho toàn bộ dự án và cấp bách thì được phép lập kế hoạch đấu thầu cho một số gói thầu để thực hiện trước.

- Trong kế hoạch đấu thầu phải nêu rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Nội dung của từng gói thầu bao gồm: tên gói thầu, giá gói thầu, nguồn vốn, hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu, thời gian lựa chọn nhà thầu, hình thức hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng.

- Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, bảo đảm tính đồng bộ của dự án và có quy mô gói thầu hợp lý (quy mô gói thầu phải

phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước). Mỗi gói thầu chỉ có một hồ sơ mời thầu và được tiến hành đấu thầu một lần. Một gói thầu được thực hiện theo một hợp đồng; trường hợp gói thầu gồm nhiều phần độc lập thì được thực hiện theo một hoặc nhiều hợp đồng.

Chủ đầu tư có trách nhiệm trình kế hoạch đấu thầu lên người quyết định đầu tư hoặc người được ủy quyền quyết định đầu tư (sau đây gọi chung là người quyết định đầu tư) xem xét, phê duyệt; đồng thời gửi cho cơ quan, tổ chức thẩm định; trường hợp trình kế hoạch đấu thầu lên Thủ tướng Chính phủ, chủ đầu tư còn phải gửi cho bộ quản lý ngành để có ý kiến bằng văn bản trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Văn bản trình duyệt kế hoạch đấu thầu bao gồm các nội dung công việc của dự án như: phần công việc đã thực hiện, phần công việc không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, phần kế hoạch đấu thầu, phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch đấu thầu. Tổng giá trị các phần công việc trên không được vượt tổng mức đầu tư của dự án.

Văn bản trình duyệt kế hoạch đấu thầu được lập thành tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu theo quy định tại Phần III Thông tư này.

Căn cứ văn bản trình duyệt kế hoạch đấu thầu do chủ đầu tư trình, cơ quan, tổ chức thẩm định kế hoạch đấu thầu liên quan phải tiến hành thẩm định và lập báo cáo thẩm định trình người quyết định đầu tư phê duyệt trong thời hạn tối đa là 20 ngày (đối với trường hợp gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tối đa là 30 ngày).

Người quyết định đầu tư có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch đấu thầu trong thời hạn không

quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan, tổ chức thẩm định. Việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu thuộc trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện theo Quy chế làm việc của Chính phủ.

Mẫu kế hoạch đấu thầu được ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm: Mẫu tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu; Mô tả tóm tắt dự án; Phần công việc đã thực hiện; Phần công việc

không áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu; Phần Kế hoạch đấu thầu (Biểu Kế hoạch đấu thầu; Giải trình nội dung Kế hoạch đấu thầu); Phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch đấu thầu (nếu có); Kiến nghị.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **Quyết định số 12/2009/QĐ- UBND của UBND tỉnh KonTum về việc ban hành mức thu, tỷ lệ phân bổ số thu, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Ngày 5/2/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã có Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ban hành mức thu, tỷ lệ phân bổ số thu, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đối tượng, mức thu, tỷ lệ phân bổ số thu, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu công trình xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Theo đó, đối tượng thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở là các tổ chức, cá nhân trong nước không phụ thuộc vào nơi đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài bao gồm: Người Việt Nam định cư ở nước ngoài về đầu tư lâu dài tại Việt Nam, người có công đóng góp với đất nước, nhà hoạt động văn hoá, nhà khoa học có nhu cầu về hoạt động thường xuyên tại Việt Nam nhằm phục vụ sự nghiệp xây dựng

đất nước, người được phép về sống ổn định tại Việt Nam và các đối tượng khác do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định được sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài không thuộc diện nói trên đã về Việt Nam cư trú với thời hạn được phép từ 6 tháng trở lên được sở hữu một nhà riêng lẻ hoặc một căn hộ; Tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê tại Việt Nam được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà ở đó.

Đối tượng thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng là tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhà ở, công trình xây dựng được tạo lập hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở lần đầu và trường hợp nhận chuyển nhượng một phần nhà ở đã có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở là

100.000 đồng/giấy; đối với tổ chức là 500.000đ/giấy; 50.000 đ/giấy đối với trường hợp nhà ở đã có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở nay chủ sở hữu đề nghị cấp đổi, cấp lại, xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đã được cấp.

- Nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo Nghị định số 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo quy định tại Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005 của Chính phủ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà trong nội dung đã có ghi nhận về nhà ở, nay chủ sở hữu có nhu cầu cấp đổi, cấp lại theo mẫu Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở Nghị định này thì mức thu là 50.000 đồng/giấy;

- Các trường hợp nhận chuyển nhượng toàn bộ nhà ở mà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo Luật Nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo Nghị định số 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo quy định tại Nghị định 95/2005/NĐ-CP ngày 15/7/2005

của Chính phủ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà trong nội dung đã có ghi nhận về nhà ở này thì mức thu là 50.000 đồng/giấy.

Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng: Giá khởi điểm của quyền sử dụng đất đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lần đầu Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng thì mức thu là 500.000 đồng/giấy; Giá khởi điểm của quyền sử dụng đất đối với tổ chức, cá nhân đề nghị cấp đổi, cấp lại, xác nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng thì mức thu là 50.000 đồng/giấy.

Về phân bổ số thu: 90% nộp ngân sách (các đơn vị thuộc cấp tỉnh được giao nhiệm vụ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu công trình xây dựng thì trích nộp vào ngân sách tỉnh; đơn vị thuộc cấp huyện, thị xã được giao nhiệm vụ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu công trình xây dựng thì trích nộp vào ngân sách huyện, thị xã); 10% để lại cho đơn vị thu phí.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

### **Quyết định số 19/2009/QĐ- UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh quy định về diện tích tối thiểu sau khi tách thửa**

Ngày 25/2/2009, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND quy định về diện tích tối thiểu sau khi tách thửa, áp dụng đối với đất ở và đất nông nghiệp trên địa bàn TP Hồ Chí Minh. Các thửa đất hình thành sau khi tách thửa không được nhỏ hơn diện tích tối thiểu quy định tại Quyết định này và không trái với Quy chuẩn xây dựng.

Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp: chuyển quyền sử dụng đất trọn thửa; bán nhà theo Nghị định 61/CP; các trường hợp tách thửa do Nhà nước thu hồi một phần thửa đất; đất hiến tặng cho Nhà nước, đất tặng cho hộ gia đình, cá nhân để xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa; tách thửa trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Đối tượng áp dụng của Quyết định này bao gồm các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có yêu cầu tách thửa và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục về tách thửa theo quy định của pháp luật.

Đối với đất ở, các trường hợp không được tách thửa gồm khu vực mà pháp luật có quy định phải bảo tồn; các khu vực hiện đang là biệt thự được tiếp tục quản lý theo quy hoạch; đất ở thuộc các dự án đã được Nhà nước giao đất, cấp giấy chứng nhận cho từng nền đất theo quy hoạch được duyệt; đất thuộc khu vực đã có quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt. Trường hợp quy hoạch chi tiết này không còn phù hợp, phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch trước khi thực hiện tách thửa, việc tách thửa phải đảm bảo đúng theo quy hoạch đã điều chỉnh; trường hợp vị trí nhà, đất ở thuộc khu vực phải thu hồi theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và công bố thì không được tách thửa.

Việc tách thửa được thực hiện theo nguyên tắc: thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại, sau khi trừ lộ giới, phải đáp ứng diện tích tối thiểu theo quy định tại Quyết định này đối với mỗi khu vực cụ thể; Phải đảm bảo được hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch và kết nối, đồng bộ với

hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

Trường hợp thửa đất khi tách thửa sẽ hình thành đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác: UBND quận, huyện có trách nhiệm duyệt quy hoạch tổng mặt bằng đảm bảo đáp ứng được những điều kiện hạ tầng kỹ thuật nêu trên. Diện tích làm đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật khác được đưa vào sử dụng chung theo quy hoạch được duyệt.

Đối với đất nông nghiệp, không được tách thửa đối với đất thuộc khu vực phải thu hồi theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và công bố để chuyển sang mục đích phi nông nghiệp.

Trường hợp thửa đất thuộc khu vực quy hoạch để sản xuất nông nghiệp: được phép tách thửa nhưng các thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại phải đảm bảo diện tích tối thiểu là 500m<sup>2</sup> đối với đất nông nghiệp khác và 1000m<sup>2</sup> đối với đất nông nghiệp đã được quy hoạch để sản xuất nông nghiệp.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))**



**Nghiệm thu đề tài:**

## **Tiêu chuẩn: “Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” (Mã số TC: 12- 08)**

Ngày 24/2/2009, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu tiêu chuẩn “Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” do ThS. Trịnh Minh Đạt - Viện Vật liệu Xây dựng chủ trì thực hiện.

Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng là chất kết dính được tạo thành từ Polyme cơ kim với thành phần chính là silic. Từ những năm 60 của thế kỷ 20, các nhà nghiên cứu Mỹ đã tạo ra loại chất kết dính này. Đây là loại chất kết dính trên cơ sở polyme cơ kim có các tính năng hơn hẳn chất kết dính trên cơ sở polyme hữu cơ, như độ kết dính có thể vượt gấp 3 lần, bền vững trước tác động của thời tiết, hoá chất và thời gian sử dụng dài. Đặc biệt, ngoài khả năng bám dính chắc bền lên các loại bề mặt khác nhau: với một lớp keo có độ dày tối thiểu 6 mm xảm kín trên một khe co giãn liên kết kỹ thuật thì nó có tính đàn hồi và trở thành một phần của các kết cấu liên kết và có khả năng bền vững trước tác động của gió và chấn động khác do con người và tự nhiên gây ra trong một phạm vi cho phép.

Xảm khe kết cấu bằng silicon là phương thức xây dựng tường kính cải tiến nhất hiện nay. Các loại vật liệu kính, gốm sứ, sắt, đá và tấm composite được kết dính vào các khung kết cấu nhà, sử dụng loại silicon này không chỉ đỡ tấm vật liệu kết dính mà còn truyền tải trọng động (trọng tải gió) vào kết cấu xây dựng. Đây là loại hoá phẩm xây dựng kỹ thuật cao được nghiên cứu và phát triển tại hai quốc gia lớn là Mỹ và Nhật Bản.

Tại Việt Nam dòng sản phẩm này được du nhập đầu tiên từ Thái Lan mang thương hiệu Dow Conning và Nhật Bản với thương hiệu GE. Hiện nay trên thị trường cũng đã xuất hiện khá nhiều tên tuổi khác như Mifeng của Trung Quốc, Apollo của Nhật. Mỗi thương hiệu đi kèm với rất nhiều sản phẩm silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng có tính năng khác nhau. Để áp dụng vào thực tế, nhiều quốc gia trên thế giới đã có tiêu chuẩn riêng cho các chủng loại silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng. Ở nước ta, hệ sản phẩm trên đã có mặt và được ứng dụng khá rộng rãi, song đến nay vẫn chưa có đơn vị hoặc tổ chức nào xác lập tiêu chuẩn quốc gia. Các cơ sở sản xuất và nhập khẩu chỉ mới nêu ra được một số chỉ tiêu chung chung hoặc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế khi đưa silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng vào thị trường. Do đó để kiểm soát chất lượng sản phẩm cũng như bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển thì việc nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn TCVN cho vật liệu silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng là rất cần thiết.

Xuất phát từ thực tế đó, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện VLXD đề tài nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn “Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử”. Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu biên soạn, xây dựng các chỉ tiêu kỹ thuật và phương pháp thử tương ứng của vật liệu sao cho phù hợp với điều kiện sử dụng và thực nghiệm ở Việt Nam, đồng thời hội nhập với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

Nội dung dự thảo tiêu chuẩn về vật liệu silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng gồm:

- Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật.

- Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng – Phương pháp thử (6 phần).

Trong đó, dự thảo tiêu chuẩn Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng – Phương pháp thử gồm có 6 phần: Phần 1: Xác định tính chất lưu biến; Phần 2: Xác định khả năng đun chảy; Phần 3: Xác định độ cứng Shore A; Phần 4: Xác định ảnh hưởng của lão hoá nhiệt đến sự tổn hao khối lượng, tạo vết nứt và phân hoá; Phần 5: Xác định thời gian không dính bề mặt; Phần 6: Xác định cường độ bám dính.

Trong mỗi phần có các nội dung chính sau: Phạm vi áp dụng tiêu chuẩn; Tài liệu viện dẫn; Thuật ngữ, định nghĩa; Nguyên tắc thử; Lấy mẫu thử, Thiết bị và dụng cụ; Cách tiến hành; Tính toán kết quả; Báo cáo kết quả thử nghiệm.

Với mục đích đánh giá chất lượng của Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng sao cho tương đương với tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với tình hình sản xuất ở trong nước, nâng cao hiệu quả kinh tế, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và uy tín cho người sản xuất. Dự kiến hiệu quả áp dụng tiêu chuẩn như sau:

- Định hướng cho các cơ sở sản xuất và người tiêu dùng.

- Quản lý chất lượng sản phẩm nhập khẩu và sản xuất trong nước.

- Góp phần ổn định nâng cao chất lượng sản phẩm.

Với kết quả thu được, dự thảo tiêu chuẩn “Silicon xảm khe cho kết cấu xây dựng – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử”, đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại xuất sắc.

**Bích Ngọc**

## **Tiêu chuẩn "Xi hạt lò cao - Phương pháp phân tích hoá học"**

Ngày 15/01/2009, tại Hà Nội, Hội đồng KHCHN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Xi hạt lò cao - Phương pháp phân tích hoá học” do KS. Tống Thị Hải Liên - Viện Vật liệu Xây dựng chủ trì thực hiện.

Hiện nay, ngành công nghiệp xây dựng nước ta đang phát triển rất nhanh để đáp ứng tốc độ phát triển của nền kinh tế. Nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng ngày càng lớn, đòi hỏi yêu cầu cao cả về số lượng và chất lượng, trong đó xi măng là loại vật liệu xây dựng quan trọng, được sử dụng trong hầu hết các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, ...

Nhằm giảm lượng clanhke nhập khẩu, tiến tới sản xuất đủ xi măng cho nhu cầu trong nước, ngoài việc xây dựng thêm các nhà máy xi măng mới thì việc nghiên cứu sử dụng các

nguồn phụ gia khoáng (PGK) cho sản xuất, nâng cao sản lượng và chất lượng xi măng ở Việt Nam là hết sức cần thiết.

Tại Việt Nam, có nhiều loại PGK cho sản xuất xi măng, bao gồm cả phụ gia hoạt tính và phụ gia đầy. PGK tự nhiên có các loại puzolan, đá bazan phong hóa, đá silic (PGK hoạt tính), đá vôi và đá bazan (phụ gia đầy). PGK nhân tạo có các loại tro xỉ từ các nhà máy nhiệt điện, xỉ hạt lò cao từ các nhà máy luyện gang thép, đây đều là các loại PGK hoạt tính. Các nguồn PGK tự nhiên ở nước ta chỉ dùng để sản xuất xi măng poóclăng hỗn hợp (PCB), hàm lượng sử dụng trong xi măng PCB khoảng 10 – 20% tùy theo chất lượng clanhke. Để sản xuất các loại xi măng đặc biệt như xi măng ít tỏa nhiệt và xi măng bền sun phát, việc sử dụng các nguồn PGK nhân tạo có hiệu quả hơn và hàm lượng sử dụng cao hơn so với PGK tự nhiên.

Sử dụng có hiệu quả nguồn PGK nói chung và xỉ hạt lò cao nói riêng cho ngành công nghiệp sản xuất xi măng ở Việt Nam có thể thay thế đáng kể lượng clanhke, góp phần quan trọng trong việc nâng cao sản lượng và chủng loại xi măng, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dùng cho việc sản xuất clanhke, giảm đáng kể lượng khí thải CO<sub>2</sub>, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Tuy nhiên, trước khi sử dụng rộng rãi xỉ hạt lò cao cho sản xuất xi măng cần phải tiến hành nghiên cứu, đánh giá đầy đủ các đặc tính kỹ thuật của nó. Trong bộ Tiêu chuẩn Việt Nam hiện chưa có tiêu chuẩn riêng về phương pháp

phân tích hoá học của xỉ hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng. Việc thử các mẫu xỉ hạt lò cao vẫn phải áp dụng từ một số tiêu chuẩn khác (TCVN 141:1998). Do vậy, việc xây dựng tiêu chuẩn “Xỉ hạt lò cao - Phương pháp phân tích hoá học” là hết sức cần thiết.

Sau khi được ban hành, áp dụng, tiêu chuẩn “Xỉ hạt lò cao – Phương pháp phân tích hoá học” sẽ là tiêu chuẩn thống nhất chung về phân tích hoá học cho nhóm vật liệu xỉ hạt lò cao.

Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã đánh giá đề tài xếp loại Xuất sắc

Minh Tâm

## Tiêu chuẩn "Tro bay - Phương pháp phân tích hoá học"

Ngày 15/01/2009, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu tiêu chuẩn "Tro bay - Phương pháp phân tích hoá học" do KS. Nguyễn Thị Minh Phương - Viện Vật liệu Xây dựng chủ trì thực hiện.

Trong những năm gần đây, tro bay được nghiên cứu nhiều theo hướng sử dụng làm phụ gia khoáng cho sản xuất xi măng hoặc thay thế một phần xi măng trong sản xuất bê tông và vữa nhằm cải thiện một số tính chất công nghệ và kỹ thuật.

Với những ưu điểm nổi bật khi sử dụng tro bay làm phụ gia cho xi măng và bê tông, loại nguyên liệu này ngày càng được áp dụng phổ biến, đặc biệt là trong ngành công nghiệp xi măng. Do vậy việc kiểm tra đánh giá chất lượng tro bay từ đó kiểm soát được chất lượng của xi măng và bê tông sử dụng loại phụ gia này cũng đang là vấn đề rất được quan tâm. Đây là nhiệm vụ không thể thiếu của các cơ quan có chức năng kiểm định.

Trong bộ tiêu chuẩn quốc gia TCVN hiện nay chưa có tiêu chuẩn về phân tích hóa cho loại nguyên liệu tro bay. Việc phân tích hóa loại nguyên liệu này đang được một số cơ sở tiến

hành theo Tiêu chuẩn phân tích hóa xi măng TCVN141:2008. Tuy nhiên việc áp dụng này chưa thực sự phù hợp do hàm lượng các oxit chính có trong hai loại nguyên liệu này hoàn toàn khác nhau, do đó kết quả thu được có độ tin cậy không cao. Ngoài ra, do không có tiêu chuẩn trong nước về phân tích hóa cho tro bay nên một số phòng thí nghiệm lại áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài để phân tích, tạo ra sự thiếu thống nhất về phương pháp thử cho loại nguyên liệu này, gây khó khăn cho việc kiểm tra, kiểm soát và quản lý chất lượng của tro bay nói riêng và chất lượng của xi măng và bê tông nói chung. Vì vậy việc xây dựng tiêu chuẩn về phương pháp phân tích hoá học tro bay là rất cần thiết, nó sẽ mang tính thống nhất áp dụng và thống nhất trong bộ TCVN.

Dự thảo tiêu chuẩn được nghiên cứu, biên soạn dựa trên cơ sở kết hợp các phương pháp thử nghiệm của các tiêu chuẩn trong nước và các tiêu chuẩn, tài liệu nghiên cứu khoa học nước ngoài. Đồng thời có sự lựa chọn áp dụng phương pháp thử cho phù hợp với các điều kiện và phương tiện phòng thí nghiệm của Việt Nam. Do đó, nội dung kỹ thuật của bản dự thảo tiêu



chuẩn này khá gần gũi với nhiều tiêu chuẩn Việt Nam đã được ban hành, bên cạnh đó nó cũng vận dụng tiếp thu một số thông tin khoa học cập nhật mới nhất có khả năng áp dụng ở điều kiện phòng thí nghiệm ở nước ta.

Khi được ban hành, áp dụng, dự thảo tiêu chuẩn “Tro bay – Phương pháp phân tích hoá

học” sẽ là tiêu chuẩn thống nhất chung về phân tích hoá học cho tro bay.

Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã đánh giá đề tài xếp loại Xuất sắc

Minh Tâm

## Hội nghị thẩm định nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn

Ngày 3/3/2009 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng Kiến trúc – Quy hoạch Bộ Xây dựng đã họp thẩm định nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn. Tham dự Hội nghị có ông Nguyễn Văn Bình – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn, ông Hà Xuân Quang – Giám đốc Sở Xây dựng Lạng Sơn, đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Văn hoá, thể thao và du lịch, Bộ Công thương, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng. Đồng chí Trần Ngọc Chính – thứ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị.

Khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn là một khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm ở cửa ngõ phía Bắc của Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập (Quyết định số 138/2008/QĐ-TTg) ngày 14/10/2008. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn và đơn vị tư vấn là Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn Bộ Xây dựng đã tiến hành xây dựng nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn, trình Bộ Xây dựng thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Tại Hội nghị này, đơn vị tư vấn – Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn Bộ Xây dựng đã trình bày báo cáo về nhiệm vụ thiết kế, trong đó nêu rõ, khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn là một khu kinh tế có quy mô diện tích lớn, bao gồm cả thành phố Lạng Sơn.



Toàn cảnh buổi làm việc của Hội đồng

Khu kinh tế này có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế và an ninh quốc phòng của quốc gia. Báo cáo đã xác định mục tiêu, tính chất, đánh giá các điều kiện tự nhiên - xã hội, cơ sở hạ tầng của khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn. Theo đó, Khu kinh tế này có ranh giới địa lý xác định, không gian kinh tế riêng biệt với môi trường kinh doanh - đầu tư thuận lợi, có các khu chức năng, các công trình hạ tầng đồng bộ, khu đô thị; khai thác hiệu quả các lợi thế về điều kiện tự nhiên của khu vực để đẩy mạnh tốc độ xây dựng, tạo việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Khu kinh tế này là khu kinh tế quan trọng của vùng đồng bằng Bắc bộ, khu vực giao lưu các hoạt động kinh tế và trung chuyển thương mại giữa Việt Nam – Trung Quốc và các nước ASEAN, là khu đô thị mới hiện đại, khu vực thu hút đầu tư và du lịch.

Sau khi nghe tư vấn trình bày báo cáo nhiệm vụ thiết kế, đại diện các Bộ, ngành Trung

ương, các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng trong Hội đồng đã phát biểu đóng góp ý kiến. Nhìn chung các thành viên Hội đồng đều thống nhất với dự thảo báo cáo, tuy nhiên cũng đề nghị tư vấn làm rõ thêm một số nội dung như đánh giá việc thực hiện Quyết định số 740 ngày 6/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch Khu kinh tế đô thị Đồng Đăng – Lạng Sơn để làm nổi bật những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Quyết định này; bổ sung các dự báo về dân số, dự báo khả năng cung cấp và tương lai phát triển thương mại của khu kinh tế này; bổ sung đánh giá hoạt động của các khu kinh tế bên kia biên giới phía Trung Quốc; nghiên cứu kỹ hơn định hướng phát triển hạ tầng khung của khu kinh tế, đặc biệt là hạ tầng giao thông và giao thông đối ngoại; bổ sung đánh giá tác động môi trường; đánh giá và tìm giải pháp cho vấn đề đảm bảo an ninh –

quốc phòng; xác định các khu vực hạn chế phát triển, khu vực cấm xây dựng...

Chủ tịch Hội đồng -Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Ngọc Chính đã kết luận một số vấn đề và đề nghị tư vấn nghiên cứu ý kiến đóng góp của các thành viên hội đồng để bổ sung, làm rõ thêm một số nội dung trong báo cáo, bao gồm làm nổi bật vị trí, vai trò đặc biệt của khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn về các mặt chính trị, kinh tế và an ninh quốc phòng; xác định rõ quan điểm phát triển, tính chất của khu kinh tế cửa khẩu này, dự báo các chỉ tiêu dân số, quy mô sử dụng đất xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc...để hoàn thiện báo cáo nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 3/2009.

Minh Tuấn

## Sự phát triển công nghệ Nano trên thế giới và ở Việt Nam

Nano theo tiếng Latinh nghĩa là nhỏ xíu. Tiền tố nano xuất hiện trong tài liệu khoa học lần đầu tiên vào năm 1908 khi nhà bác học Lohman sử dụng nó để chỉ các sinh vật rất nhỏ đường kính 200nm. Khái niệm công nghệ nano (CNNN) được nhà vật lý học Richard Feynman nhắc đến lần đầu tiên trong bài diễn văn đọc tại Hội nghị các nhà vật lý Mỹ năm 1959. Khi đó ông đã dự báo một thời kỳ mà người ta có thể lắp ráp nguyên tử với nguyên tử, phân tử với phân tử, các công cụ thật nhỏ giúp sản xuất các vật chất nhỏ hơn nữa. Vào năm 1980, nhờ phương pháp và thiết bị khoa học hiện đại, các nhà khoa học đã chế tạo thành công vật chất có kích thước ở quy mô phân tử, nghĩa là chỉ bằng một phần tỷ mét và đặt tên cho chúng là “nano”. Hiện tại trong khoa học, tiền tố nano biểu thị con số  $10^{-9}$  tức kích thước 1 phần tỷ m (nm, 1 nm =  $10^{-9}$  m). Theo nguyên tắc chung, công nghệ nano nằm trong vùng vật chất từ

0,1-100 nanomet và đường kính một sợi tóc người cũng lớn hơn 80.000 lần so với một nano. Tổ chức Nanotechnology Initiative (NNI) trực thuộc chính phủ Mỹ định nghĩa công nghệ Nano (CNNN) là “Bất cứ thứ gì liên quan đến các cấu trúc có kích thước nhỏ hơn 10 nm”. Trong sách “Bionanotechnology: lessons from nature”, nhà bác học Goodsell đưa ra định nghĩa CNNN là “Thao tác và chế tạo ở quy mô nano với độ chính xác nguyên tử”. Cụ thể hơn, CNNN là khoa học, kỹ thuật và khai thác liên quan tới các hệ thống có kích thước nano, ở đó các hệ thống này thực hiện các nhiệm vụ về điện, cơ, sinh, hóa hoặc tính toán đặc biệt. Nền tảng của công nghệ nano là hiện tượng các cấu trúc, thiết bị và hệ thống có tính chất và chức năng mới khi ở kích thước siêu nhỏ”. Cấu trúc của CNNN bao gồm các hạt hay tinh thể nano, lớp nano và ống nano. Các cấu trúc nano này khác nhau ở chỗ chúng được tạo thành như thế

nào và các nguyên tử, phân tử của chúng được sắp xếp ra sao. Ngày nay công nghệ nano đang mở ra khả năng sản xuất chế tạo các vật liệu mới ở mức độ nguyên tử - vật liệu nano và hứa hẹn làm đảo lộn nhiều lĩnh vực từ hóa học đến hàng không.

Vật liệu nano là vật liệu trong đó ít nhất một chiều có kích thước nano mét. Về trạng thái của vật liệu, người ta phân chia thành ba trạng thái, rắn, lỏng và khí. Vật liệu nano được tập trung nghiên cứu hiện nay chủ yếu là vật liệu rắn, sau đó mới đến chất lỏng và khí. Về hình dáng vật liệu, người ta phân ra thành các loại sau:

- Vật liệu nano không chiều (cả ba chiều đều có kích thước nano, không còn chiều tự do nào cho điện tử), ví dụ, như đám nano, hạt nano...

- Vật liệu nano một chiều là vật liệu trong đó hai chiều có kích thước nano, điện tử được tự do trên một chiều (hai chiều cầm tù), ví dụ như dây nano, ống nano,...

- Vật liệu nano hai chiều là vật liệu trong đó một chiều có kích thước nano, hai chiều tự do, ví dụ như màng mỏng,...

- Ngoài ra còn có vật liệu có cấu trúc nano hay nanocomposite trong đó chỉ có một phần của vật liệu có kích thước nm, hoặc cấu trúc của nó có nano không chiều, một chiều, hai chiều đan xen lẫn nhau.

Vật liệu nano được chế tạo bằng hai phương pháp: phương pháp từ trên xuống (top-down) và phương pháp từ dưới lên (bottom-up). Phương pháp từ trên xuống là phương pháp tạo hạt kích thước nano từ các hạt có kích thước lớn hơn; phương pháp từ dưới lên là phương pháp hình thành hạt nano từ các nguyên tử.

a/ Phương pháp từ trên xuống: Về nguyên lý dùng kỹ thuật nghiền và biến dạng để biến vật liệu thể khối với tổ chức hạt thô thành cỡ hạt kích thước nano. Đây là các phương pháp đơn giản, rẻ tiền nhưng rất hiệu quả, có thể tiến hành cho nhiều loại vật liệu với kích thước khá lớn (ứng dụng làm vật liệu kết cấu). Trong

phương pháp nghiền, vật liệu ở dạng bột được trộn lẫn với những viên bi được làm từ các vật liệu rất cứng và đặt trong một cái cối. Máy nghiền có thể là nghiền lắc, nghiền rung hoặc nghiền quay (còn gọi là nghiền kiểu hành tinh). Các viên bi cứng va chạm vào nhau và phá vỡ bột đến kích thước nano. Kết quả thu được là vật liệu nano không chiều (các hạt nano). Phương pháp biến dạng được sử dụng với các kỹ thuật đặc biệt nhằm tạo ra sự biến dạng cực lớn (có thể  $>10$ ) mà không làm phá hủy vật liệu, đó là các phương pháp SPD điển hình. Nhiệt độ có thể được điều chỉnh tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Nếu nhiệt độ gia công lớn hơn nhiệt độ kết tinh lại thì được gọi là biến dạng nóng, còn ngược lại thì được gọi là biến dạng nguội. Kết quả thu được là các vật liệu nano một chiều (dây nano) hoặc hai chiều (lớp có chiều dày nm). Ngoài ra, hiện nay người ta thường dùng các phương pháp quang khắc để tạo ra các cấu trúc nano phức tạp.

b/ Phương pháp từ dưới lên: Về nguyên lý: hình thành vật liệu nano từ các nguyên tử hoặc ion. Phương pháp từ dưới lên được phát triển rất mạnh mẽ vì tính linh động và chất lượng của sản phẩm cuối cùng. Phần lớn các vật liệu nano mà chúng ta dùng hiện nay được chế tạo từ phương pháp này. Phương pháp từ dưới lên có thể là phương pháp vật lý, hóa học hoặc kết hợp cả hai phương pháp hóa - lý.

- Phương pháp vật lý: là phương pháp tạo vật liệu nano từ nguyên tử hoặc chuyển pha. Nguyên tử để hình thành vật liệu nano được tạo ra từ phương pháp vật lý: bốc bay nhiệt (đốt, phún xạ, phóng điện hồ quang). Phương pháp chuyển pha: vật liệu được nung nóng rồi cho nguội với tốc độ nhanh để thu được trạng thái vô định hình, xử lý nhiệt để xảy ra chuyển pha vô định hình - tinh thể (kết tinh) (phương pháp nguội nhanh). Phương pháp vật lý thường được dùng để tạo các hạt nano, màng nano, ví dụ: ổ cứng máy tính.

- Phương pháp hóa học: là phương pháp tạo

vật liệu nano từ các ion. Phương pháp hóa học có đặc điểm là rất đa dạng vì tùy thuộc vào vật liệu cụ thể mà người ta phải thay đổi kỹ thuật chế tạo cho phù hợp. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể phân loại các phương pháp hóa học thành hai loại: hình thành vật liệu nano từ pha lỏng (phương pháp kết tủa, sol - gel,...) và từ pha khí (nhiệt phân,...). Phương pháp này có thể tạo các hạt nano, dây nano, ống nano, màng nano, bột nano,...

- Phương pháp kết hợp: là phương pháp tạo vật liệu nano dựa trên các nguyên tắc vật lý và hóa học như điện phân, ngưng tụ từ pha khí,... Phương pháp này có thể tạo các hạt nano, dây nano, ống nano, màng nano, bột nano,...

Trong vòng 20 năm qua, CNNN luôn là ngành khoa học mũi nhọn.. Bước vào thế kỷ XXI, các quốc gia phát triển đã tăng ngân sách đáng kể cho phát triển CNNN. Theo tạp chí Business Wire, các công ty lớn của thế giới đều đã đầu tư vào CNNN. Nhiều Chính phủ nhận ra kỹ thuật nano sinh học sẽ là động cơ chính phát triển công nghệ y học. Tại Mỹ, trong những năm qua, Chính phủ đã chi hàng tỷ USD cho chương trình “Sáng kiến nano”, trong đó gần 1 tỷ USD được dành cho sinh học nano. Trên toàn cầu, hơn 3.000 bằng phát minh về CNNN đã được bảo hộ bản quyền hàng năm. CNNN cũng đang là một thách thức đối với chiến lược phát triển khoa học ở nhiều quốc gia. Tổ chức nghiên cứu khoa học Mỹ dự đoán CNNN sẽ tạo nên khoảng 1.000 tỷ USD kinh doanh thương mại trong 10 hay 15 năm nữa. Mỹ hiện vẫn dẫn đầu thị trường toàn cầu, ước chiếm 39,5% lợi nhuận toàn thế giới năm 2008. Nhật Bản được coi là phát triển nhanh nhất thị trường châu Á tính từ 2003-2010 với lợi nhuận ước đạt 21,5%. Trung Quốc có số lượng ứng dụng bằng sáng chế CNNN nhiều chỉ sau Mỹ và Nhật Bản. Đến nay, nhiều nước đang phát triển như Ấn Độ, Nam Phi, Mexico, Thái Lan, Philippines, Chile và Argentina đã thực hiện các sáng kiến CNNN để hỗ trợ sự phát triển của khoa học.

Theo những số liệu nêu trên, CNNN chắc chắn sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến xã hội và sinh hoạt của con người trong vài thập niên tới. Đó là chưa tính đến CNNN đang làm thay đổi quan niệm về sức mạnh vũ khí. Với một đội quân vô hình và sự nhân bản, robot siêu nhỏ có thể tiêu diệt “đối phương” chỉ trong chớp nhoáng, làm thay đổi tương quan lực lượng và khả năng ảnh hưởng tới quan hệ quốc tế. Khi ấy, những vật cực nhỏ kia sẽ cho nhân loại tiềm lực về kinh tế và quốc phòng cực lớn trong thế kỷ XXI. Dưới đây giới thiệu một số sản phẩm kỳ diệu của CNNN trong những năm qua.

- Tháng 7/2001: Ứng dụng CNNN, các nhà khoa học tại ĐH Florence (Italy) đã cho ra đời những tinh thể vôi (calcium hydroxide), kích thước khoảng 100-250nm, có thể giúp trám những khe nứt trên các bức họa.

- Tháng 9/2005: Công ty Interface Science (Mỹ) đã tạo ra loại vật liệu nano SAM có thể loại nước để phục hồi và dùng lại được dầu tràn, giúp làm giảm các tác hại về môi trường và sức khỏe do khoảng 3.000 sự cố tràn dầu xảy ra trên thế giới mỗi năm.

- Tháng 11/2006: Các nhà khoa học thuộc ĐH Rice (Mỹ) đã khám phá ra phương pháp sử dụng CNNN để lọc thạch tín từ nước uống. Phát minh của họ bao gồm những tương tác từ trường giữa các mảnh ô-xít sắt có kích thước nhỏ hơn 5.000 lần so với chiều rộng sợi tóc.

- Tháng 10/2007: Hãng Hitachi (Nhật Bản) cho biết đã sử dụng CNNN tìm ra cách chế tạo đầu đọc/ghi trong ổ cứng nhỏ hơn 2.000 lần so với sợi tóc, cho phép phát triển thiết bị lưu trữ trong máy tính để bàn và xách tay với dung lượng 1-4 terabyte (TB) vào năm 2011.

- Tháng 12/2007: Các nhà nghiên cứu tại ĐH California (Mỹ) đã sáng tạo một thiết bị sử dụng CNNN mới có khả năng phân biệt các tế bào ung thư với tế bào bình thường.

- Tháng 12/2007: Ứng dụng CNNN, các nhà khoa học Israel đã tìm ra cách ghi lại các nội dung văn bản cổ vào một con chip nhỏ hơn cả

đầu đinh ghim (1/1.000 inch). Chữ được ghi lại bằng máy phát chùm tia ion tạo thành những chấm nhỏ hạt ion Gali trên bề mặt bằng vàng phủ lên trên lớp silicon.

- Tháng 2/2008: Hãng Pininfarina (Italy) đã thiết kế tấm kính chắn gió nano Hidra cho xe hơi mà không cần đến cần gạt nước. Lớp 1 chống nắng và nước, lớp 2 đẩy bụi vào gờ kính, lớp 3 kích hoạt lớp 2 trong khi lớp 4 sinh điện để duy trì hoạt động của các lớp.

- Tháng 2/2008: Các nhà nghiên cứu Australia và Trung Quốc đã sử dụng CNNN để tạo ra loại len tự sạch dưới nắng mặt trời. Nhờ thế, thay vì phải gửi quần áo bẩn đến các tiệm giặt khô, bạn chỉ cần treo chúng lên đây.

Ở Việt Nam, mặc dù lĩnh vực CNNN tuy còn rất mới mẻ, song các nhà khoa học đã chế tạo được hạt nano từ tính bằng các phương pháp hóa, cơ học... và tập trung vào định hướng y

sinh học trong việc phân tách tế bào, dẫn thuốc, nung nóng cục bộ... Trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, để nâng cao chất lượng sản phẩm gạch ốp lát, gần đây một số cơ sở sản xuất như Công ty CP Đồng Tâm, công ty CP Thạch Bàn đã đầu tư ứng dụng công nghệ Nano-công nghệ hạt pha lê trong sản xuất gạch ốp lát granit. Công nghệ Nano cho phép tạo ra bề mặt siêu bóng với độ bóng đạt trên 90% so với công nghệ thông thường làm cho sản phẩm có độ chống bám bẩn gần như tuyệt đối. Còn công nghệ pha lê tạo ra được các sản phẩm gạch ốp lát granit giả đá thiên nhiên một cách hoàn hảo và vượt trội hơn hẳn so với các sản phẩm ốp lát giả đá thông thường khác.

**TS. Lê Văn Thanh**

*Công ty CP tư vấn xây dựng  
Công nghiệp & Đô thị Việt Nam*

## **Thông báo danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận trong tháng 2/2009**

*Trong tháng 02/2009 đã có 15 phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra Quyết định công nhận cho phép đi vào hoạt động:*

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng TN cơ học đất và VLXD thuộc Cty CP tư vấn ĐTXD Đông Dương Số 16 Đoàn Nữ Hải -Tp. Hải Dương	LAS-XD 318	QĐ số 49/QĐ-BXD ngày 04/02/2009 có hiệu lực đến: 04/02/2012
2	Trung tâm TN nền móng- địa chất- vật liệu kiểm định công trình XD thuộc Liên Hiệp khoa học địa chất TV kiểm định XD Số 432 Tên Lửa -Quận Bình Tân-Tp. HCM	LAS-XD 168	QĐ số 53/QĐ-BXD ngày 09/02/2009 có hiệu lực đến: 09/02/2012
3	Phòng TN vật liệu XD và công trình Hậu Giang-Cty CP kiểm định XD Hậu Giang Số 30/21 Mậu Thân - P.An Nghiệp-Q.Ninh Kiều-Tp. Cần Thơ	LAS-XD 237	QĐ số 54/QĐ-BXD ngày 09/02/2009 có hiệu lực đến: 09/02/2012

4	Trung tâm TN vật liệu XD-Quản lý chất lượng công trình - Cty CP tư vấn XD ACI Số 19B Mậu Thân -P.Xuân Khánh-Q.Ninh Kiều-Tp.Cần Thơ	LAS-XD 424	QĐ số 55/QĐ-BXD ngày 09/02/2009 có hiệu lực đến: 09/02/2012
5	Phòng TN vật liệu XD và kiểm định XD công trình thuộc Cty CP tư vấn kiểm định XDGT Phía Nam Số 304/79- Đường Đào Duy Anh- P.9-Q.Phú Nhuận- Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 741	QĐ số 56/QĐ-BXD ngày 09/02/2009 có hiệu lực đến: 09/02/2012
6	Phòng TN Địa chất công trình và VLXD thuộc Cty CP xây dựng, thương mại và phát triển đô thị Sơn La Số 2 Đường Lò Văn Giá - Thị xã Sơn La	LAS-XD 183	QĐ số 60 /QĐ-BXD ngày 12/02/2009 có hiệu lực đến: 12/02/2012
7	Phòng TN cơ học đất thuộc Cty CP tư vấn XD Sơn La Đường Nguyễn Trãi - Thị xã Sơn La- Tỉnh Sơn La	LAS-XD 182	QĐ số 61/QĐ-BXD ngày 12/02/2009 có hiệu lực đến: 12/02/2012
8	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN vật liệu và kiểm định XD thuộc Cty TNHH Phương Thắng Số 250/7 Phan Bội Châu -Tp. Huế-Tỉnh Thừa Thiên Huế.	LAS-XD 652	QĐ số 65/QĐ-BXD ngày 18/02/2009 có hiệu lực đến: 22/4/2011
9	Bổ sung các phép thử cho Phòng thí nghiệm VLXD thuộc Cty CP tư vấn giám sát kiểm định XD Yên Bái Tổ 33-Phường Đồng Tâm-Tp. Yên Bái-tỉnh Yên Bái	LAS-XD 243	QĐ số 66/QĐ-BXD ngày 18/02/2009 có hiệu lực đến: 01/02/2010
10	Phòng TN xây dựng Tổng hợp thuộc Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ XD- Trường ĐH Bách khoa- Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh Nhà B6-Số 268 Lý Thường Kiệt -Q.10-Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 187	QĐ số 67/QĐ-BXD ngày 18/02/2009 có hiệu lực đến: 09/02/2012
11	Phòng TN vật liệu và kiểm định công trình - Cty TNHH tư vấn kiểm định - XD Gia Lê Số D28 Trần Khánh Dư - P.Tân Lợi-Tp. Buon Ma Thuật-Tỉnh Đắk Lắk	LAS-XD 405	QĐ số 68/QĐ-BXD ngày 18/02/2009 có hiệu lực đến: 18/02/2012
12	Phòng TN và kiểm định XD Quy Nhơn thuộc Chi nhánh Cty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và XD tại Miền Trung Số 260 Trần Hưng Đạo - Tp,Quy Nhơn-Tỉnh Bình Định	LAS-XD 39	QĐ số 69/QĐ-BXD ngày 18/02/2009 có hiệu lực đến: 18/02/2012

13	Phòng TN công trình thuộc C ty CP tư vấn XD Hà Nội Thôn Viên Nội - Xã Vân Nội - Huyện Đông Anh-Hà Nội	LAS-XD 743	QĐ số 72/QĐ-BXD ngày 20/02/2009 có hiệu lực đến: 19/02/2012
14	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN vật liệu và kiểm định XD thuộc Cty TNHH tư vấn và kiểm định XD Đông Thăng Long Số 466/47 Lê Văn Sỹ - P.14- Q.3-Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 306	QĐ số 73/QĐ-BXD ngày 20/02/2009 có hiệu lực đến: 02/9/2010
15	Phòng TN vật liệu XD và kiểm định chất lượng công trình thuộc C ty CP tư vấn đầu tư XD công trình 1 Số 62A Đường Nguyễn Sỹ Sách -Tp. Vinh- Tỉnh Nghệ An	LAS-XD 462	QĐ số 74/QĐ-BXD ngày 23/02/2009 có hiệu lực đến: 23/02/2012

Huỳnh Phước

## Cách tiếp cận đồng bộ trong xây dựng các tiểu khu nhà ở

Quận Ramensky nằm ở phía Đông - Nam tỉnh Matxcova, về mặt hành chính bao gồm 21 đô thị và khu dân cư nông thôn; tổng diện tích trên 141,4 nghìn ha. Trên địa giới của quận có 232 điểm dân cư với tổng số dân là 219,2 nghìn người. Trung tâm của quận là đô thị Ramenskoye.

Hàng ngày chính quyền quận phải giải quyết một tổ hợp các vấn đề có ý nghĩa địa phương liên quan lợi ích của tất cả các tầng lớp dân cư. Trong đó vấn đề xây dựng đồng bộ chưa bao giờ đặt xuống hàng thứ hai bởi nó gắn với chiến lược phát triển của quận. Chất lượng cuộc sống dân cư trong tương lai trung hạn và dài hạn phụ thuộc trực tiếp vào hiệu quả giải quyết các vấn đề nêu trên. Thực tế cho thấy sai sót hoặc thiếu sót trong lĩnh vực kinh tế này sẽ phải trả giá rất cao.

Trong những năm gần đây, xây dựng nhà ở phát triển năng động. Năm 2007, gần 200 nghìn m<sup>2</sup> diện tích ở đã được đưa vào sử dụng. Sau khi từ bỏ cách xây dựng điểm mật độ cao,



Khu nhà ở có sân thể thao và sân chơi cho trẻ em

quận đã chuyển sang xây dựng các ô phố mới, hiện đại trong đô thị và khu dân cư.

Các nhà đầu tư tập trung đầu tư vốn vào xây dựng nhà ở tại các trung tâm hành chính - các đô thị, thị trấn. Nhiệm vụ của chính quyền là điều tiết quá trình trên và bảo đảm cho hệ thống kết cấu hạ tầng được xây dựng trước một bước. Việc lập kế hoạch xây dựng vào thời gian tới tại thị trấn Spartak, các trạm sản xuất hơi nước và trạm bơm mới được trang bị hệ thống khử sắt

hiện đại sẽ giúp các nhà đầu tư có cái nhìn mới đối với thị trấn này, còn chính quyền thì có điều kiện tiến gần đến việc giải quyết vấn đề phá dỡ quỹ nhà ở bị hư hỏng trong khu vực.

Chính quyền quận muốn quá trình phá dỡ nhà ở hư hỏng diễn ra nhanh hơn nữa đối với trên 70.000 m<sup>2</sup> diện tích nhà ở bị hư hỏng. Tại đô thị Ramenskoye đang diễn ra quá trình phá dỡ nhà ở hư hỏng và xây dựng mới nhà ở nhiều tầng tại ô phố thứ 5 của quận; trong năm 2008 quận xúc tiến dự án xây dựng nhà ở tại khu phố cũ nơi sẽ phá dỡ 13 ngôi nhà gỗ cũ xây dựng từ năm 1927. Đây là vấn đề không đơn giản mà việc giải quyết đòi hỏi sự phối hợp nỗ lực của tất cả các ngành chính quyền của quận. Thời gian qua, chính sách phá dỡ nhà hư hỏng được thảo luận tích cực ở cấp liên bang và các quyết định được ban hành tạo ra niềm hy vọng. Mặc dù gặp những khó khăn khách quan, nhiệm vụ hiện nay của quận là phối hợp với chương trình quốc gia đang được đề xuất.



*Đài phun nước trong khu nhà ở*

Do vị trí của quận ở gần thủ đô Matxcova nên quận không gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nhà đầu tư để xuất các dự án do vậy quận có điều kiện nêu những yêu cầu cao đối với họ.

Thứ nhất, các nhà đầu tư cần đề xuất các dự án đáp ứng được các yêu cầu của tương lai. Bởi ô phố hoặc một tiểu khu nhà ở được xây dựng không chỉ trong thời gian 1 năm. Do vậy cần tránh trường hợp khi dự án được hoàn thành thì công trình đã lạc hậu về mặt tinh thần.



*Khu nhà ở tại Quận Ramenskoye*

Thứ hai, không để phát sinh thêm các vấn đề khác liên quan đến sự gia tăng ngày càng nhanh của số lượng phương tiện giao thông. Những nội dung sau đây cần phải được thiết kế trước không phải để phù hợp với các tiêu chuẩn mà là phù hợp với tình hình thực tế: Việc kết nối điểm dân cư với hệ thống giao thông; chỗ để xe ô tô bên trong ô phố mà không cản trở các đối tượng tham gia giao thông khác cũng như hoạt động của các cơ quan phục vụ công cộng kể cả bố trí bến xe ngầm. Năm này qua năm khác tình hình lại càng thẳng hơn.

Thứ ba, các tiểu khu và ô phố mới xây dựng phải được trang bị hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển kể cả hạ tầng xã hội. Cách tiếp cận đã trở nên lỗi thời là nhà đầu tư chỉ xây dựng nhà ở và các diện tích ở tầng trệt và tầng hầm để bán theo giá kinh doanh, còn việc xây dựng trường học, bệnh viện, trạm y tế, vườn trẻ, nhà văn hoá, thư viện, trạm cảnh sát,... thì do chính quyền đảm nhiệm. Nay, mỗi mét vuông nhà ở không có kết cấu hạ tầng không được công nhận là nhà ở tiện nghi. Chính quyền đảm trách gánh nặng trách nhiệm trong việc bảo quản, bảo dưỡng những gì đã được xây dựng nên. Hàng năm, ngoài việc sửa chữa thường xuyên cho hàng chục công trình, quận còn sửa chữa lớn cho 1 đến 2 công trình đến mức công trình như được xây lần thứ hai. Năm 2007 đó là bệnh viện trẻ em và trạm y tế. Được sự hỗ trợ của tỉnh, đến nay bệnh viện trung tâm của quận được làm mới từ trong ra ngoài với toà nhà khoa



nội, khoa chống lao, bệnh viện các bệnh truyền nhiễm, khoa phẫu thuật,...

Trong số các công trình hạ tầng xã hội mới được xây dựng bao gồm Nhà tổ chức lễ cưới mới được đưa vào sử dụng năm 2007 và Cung thể thao theo chương trình hỗ trợ của tỉnh. Các công trình đã được đưa vào kế hoạch xây dựng gồm có trung tâm điều trị bệnh tâm thần - thần kinh, trường phổ thông, Nhà kế hoạch hoá gia đình hiện đại mà sự cần thiết xây dựng đã rõ ràng do chiều hướng tích cực của vấn đề dân số ở quận.

Và yêu cầu cuối cùng theo thứ tự nhưng không đứng hàng cuối cùng xét theo ý nghĩa là các ô phố mới xây dựng phải được hoàn thiện theo phong cách Ramensky. Quận đứng đầu tỉnh nhiều năm qua trong vấn đề xây dựng công trình tiện nghi mà quận dự tính thực hiện đồng bộ để các đường phố sạch sẽ đi qua các vườn hoa nhỏ, rồi các vườn hoa nhỏ lại kết nối với các đường phố lớn có trồng hoa, có đài phun nước và các tác phẩm điêu khắc đặt trong vườn hoa - công viên,... mà mục tiêu là để cho các mặt trước được trang trí của nhà ở tạo ra cảnh quan hài hoà với các mặt bằng được trang bị đủ tiện nghi làm nơi nghỉ cho trẻ em và người lớn, để vào thời gian rảnh rỗi cư dân quận và các vị khách có thể thoải mái đi chơi công viên, đi xem phim tại các rạp chiếu bóng, các nhà hát lớn và

nhà hát nhỏ, .... Chính sách của quận là các tiểu khu nhà ở mới phải được thiết kế, xây dựng và trang bị tiện nghi một cách đồng bộ để sau khi hoàn thành xây dựng sẽ không phải hoàn thiện lại một lần nữa.

Có ý kiến cho rằng các yêu cầu đặt ra quá cao, gây khó khăn cho nhà đầu tư hoặc làm cho giá 1m<sup>2</sup> xây dựng sẽ tăng không có giới hạn. Trên thực tế yêu cầu nhiều nhưng tất cả đều hợp lý và khả thi. Còn giá thì phụ thuộc chủ yếu vào vị trí của công trình và nhu cầu sử dụng nhà ở tại địa phương. Không nhà đầu tư nào hạ giá thành xây dựng xuống mức thấp hơn giá thị trường ngay cả khi đã bớt đi một yêu cầu nào đó. Điều đó cho thấy mục tiêu của nhà đầu tư và của chính quyền khác nhau. Nhà đầu tư xây dựng nhà ở sau đó bán và thu lợi nhuận, còn chính quyền thì hành động để người mua nhà ở có được cuộc sống tiện nghi. Một khi các nhà đầu tư đáp ứng các yêu cầu nêu trên, có nghĩa là những điều kiện đó cũng đem lại lợi ích cho họ và khi một phần lợi nhuận của họ được sử dụng cho lợi ích của dân cư thì cũng là điều tốt. Qua đó có thể thấy các chủ trương của quận là đúng đắn.

**Huỳnh Phước**

Theo Báo Xây dựng Nga, số 32/2008

## Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet

### Kỹ thuật mới chống động đất cho nhà cao tầng

Các nhà nghiên cứu của trường Đại học tổng hợp Michigan đã làm thí nghiệm mô phỏng động đất trong phòng thí nghiệm để kiểm tra một kỹ thuật mới tăng cường khả năng chống động đất cho nhà cao tầng.

Các kỹ sư đã sử dụng bê tông cốt sợi thép để tạo ra một loại dầm kép cần ít thép hơn và dễ thi công. Các dầm kép này nối các bức tường của nhà cao tầng bao quanh các lỗ mở

như lỗ cầu thang, cửa sổ, lồng thang máy. Những lỗ mở cần thiết đó có thể làm yếu vách.

Giáo sư James Wight - Khoa kỹ thuật xây dựng và môi trường, Đại học tổng hợp Michigan cho biết: "Chúng tôi mô phỏng một trận động đất có cường độ vượt cấp động đất lớn nhất và thí nghiệm của chúng tôi đã thành công. Các dầm bê tông cốt sợi có ứng xử như chúng tôi đã dự kiến, và có khả năng làm việc tốt hơn các dầm đang được sử dụng ngày nay". Cùng cộng tác với giáo sư Wight có Giáo sư Gustavo

Parra-Montesios và Remy Lequesne - nghiên cứu sinh tiến sĩ của Khoa Kỹ thuật xây dựng và môi trường.

Hiện nay, việc lắp đặt các dầm kép là khá khó khăn, nó đòi hỏi phải có một hệ khung tăng cứng phức tạp. Các kỹ sư của Đại học Michigan đã tạo ra một loại dầm kép đơn giản hơn từ bê tông cốt sợi thép cho độ chảy cao.

Giáo sư Parra-Montesios cho biết: "chúng tôi đã bỏ ra một lượng lớn thép so với thiết kế và thay thế chúng bằng các sợi thép, được đưa vào bê tông trong quá trình trộn. Các nhà xây dựng hoàn toàn có thể sử dụng loại bê tông cốt sợi này để đúc các dầm kép mà không cần sử dụng nhiều cốt thép".

Bê tông cốt sợi thép có một số những đặc tính nổi trội. Các sợi thép sử dụng cho bê tông cốt sợi thép có chiều dài khoảng 2,5 cm và độ dày bằng chiếc kim khâu. Dầm bê tông cốt sợi thép ít nứt hơn, độ rộng vết nứt hẹp hơn so với dầm bê tông cốt thép thông thường.

Các kỹ sư đã tiến hành thử với bức tường bằng 40% kích thước thật của một ngôi nhà 4 tầng được xây dựng trong phòng thí nghiệm kết cấu. Họ tác động một tải trọng cao điểm 300.000 pound vào công trình, kéo và đẩy công trình bằng các kích thủy lực.

Để đánh giá kết quả, các kỹ sư đã đo đạc sự chuyển dịch của công trình, trong đó chuyển dịch của phần mái được so sánh với phần móng. Trong một trận động đất lớn, một công trình cần phải đảm bảo duy trì sự dịch chuyển khoảng 1-2%. Công trình thí nghiệm của các nhà khoa học của Đại học tổng hợp Michigan dễ dàng chịu được sự chuyển dịch 3%. Từ đó cho thấy các dầm cốt sợi thép có thể là một giải pháp dễ làm, rẻ tiền và hiệu quả cho các công trình xây dựng trong vùng động đất.

Công trình nghiên cứu nói trên được thực hiện dưới sự tài trợ của Quỹ Khoa học quốc gia thuộc Mạng Chương trình mô phỏng kỹ thuật động đất.

<http://www.sciencedaily.com>

## Các biện pháp an toàn trong thi công bê tông

Tai nạn thương tích liên quan đến hoạt động xây dựng có xu hướng ngày càng giảm là nhờ sự tăng cường nhận thức về các hiểm họa tiềm năng trên các công trường xây dựng. Lĩnh vực công nghiệp bê tông là một trong những lĩnh vực có tỷ lệ tai nạn thương tích trên công trường thấp nhất, tuy nhiên điều đó không có nghĩa là trong lĩnh vực thi công bê tông ít có rủi ro. Việc hiểu rõ về những rủi ro trong thi công bê tông và chế độ tập huấn đầy đủ là rất cần thiết để hạn chế tai nạn thương tích liên quan trong quá trình thi công bê tông.

Người ta thường nói rằng mỗi người phải là một cán bộ an toàn - bất kỳ ai cũng có thể yêu cầu dừng làm việc nếu thấy các điều kiện làm việc thiếu an toàn. Trong thực tế, công tác an toàn trong các dự án xây dựng là trách nhiệm của mọi người có liên quan. Chủ công trình có trách nhiệm thực hiện một chương trình đảm bảo an toàn và cung cấp các phương tiện bảo hộ cần thiết; người quản lý công trường có trách nhiệm tiến hành tập huấn về công tác an toàn, lập kế hoạch thực hiện các công việc theo chương trình an toàn và đảm bảo rằng mọi nhân viên trên công trường nắm rõ các tiêu chuẩn về an toàn; người đội trưởng có trách nhiệm yêu cầu mọi thành viên trong đội tuân thủ các quy định về an toàn; người công nhân phải sử dụng những kiến thức đã được tập huấn để nhận diện những hiểm họa, phải sử dụng các phương tiện bảo hộ ...

Nhận diện các hiểm họa về sức khỏe và an toàn là quan trọng nhất để phòng ngừa tai nạn thương tích. Yếu tố quan trọng thứ hai là thực hiện các biện pháp phòng ngừa nhằm ngăn ngừa và giảm bớt những hiểm họa.

### Các hiểm họa về sức khỏe và an toàn:

Trên các công trường xây dựng có muôn vàn những hiểm họa tiềm ẩn, và công trường thi công bê tông cũng không phải là ngoại lệ.

*Hiểm họa từ vật liệu:* Xi măng thường chiếm

từ 7-15% khối tích bê tông. Là loại vật liệu có tính kiềm nên xi măng ướt rất ăn da và có thể gây bỏng hoá học đối với mắt và những chỗ da hở. Vì thế, khi tiếp xúc với bê tông tươi cần phải tránh những hiểm hoạ đó. Điều đó cho thấy, tại sao việc đi ủng ngăn nước, mặc áo dài tay, quần dài và đeo kính bảo vệ mắt là rất quan trọng khi thi công bê tông. Ngoài tính chất ăn da của xi măng, 95% các hạt xi măng nhỏ hơn 45 micro-met nên khi tiếp xúc cần đeo khẩu trang để tránh hít bụi xi măng vào phổi.

**Hiểm hoạ từ thiết bị:** Các máy trộn bê tông trên công trường cũng chứa đựng những hiểm hoạ đối với sức khoẻ và an toàn của người vận hành. Lưới gạt vật liệu đầu vào, lưới trộn vữa/bê tông, lưới ngắt và nguồn điện là những hiểm hoạ lớn nếu không được vận hành đúng cách. Ngoài ra, tiếng ồn của máy vượt quá 85 db cũng có thể gây ảnh hưởng đến thính giác. Các thiết bị khác trên công trường như máy nén khí, máy bơm bê tông thuỷ lực, băng tải, máy hàn, kẹp kéo căng, thiết bị phá dỡ ... cũng chứa đựng những hiểm hoạ trên công trường thi công bê tông.

**Dụng cụ:** Bên cạnh những thiết bị cơ khí và điện như đã nói trên, những dụng cụ cầm tay như bay có cạnh sắc, búa, đục, dao xây ... đều có thể gây nguy hiểm nếu sử dụng không cẩn thận hoặc không đúng cách.

**Độ cao:** Nguyên nhân lớn nhất gây tai nạn thương tích và tử vong trên các công trường xây dựng chính là sự ngã từ trên cao xuống. Trong thi công bê tông, độ cao có thể liên quan đến giàn dáo, thang, xe gầu, sàn công tác, cốp pha leo, sàn nâng... Chủ công trình, người quản lý, nhà thầu và người lao động cần chú trọng đến yếu tố độ cao trong hoạt động thi công để có biện pháp phòng ngừa tai nạn do độ cao.

**Hoạt động thi công:** Trong quá trình thi công, việc đổ và hoàn thiện bê tông là hoạt động mang tính nhẹ nhàng nhất. Tuy nhiên các hoạt động liên quan đến thi công bê tông cũng chứa đựng những rủi ro. Việc sử dụng cần cầu

để nâng và đổ các gầu bê tông, lắp dựng panel và nâng các cấu kiện đúc sẵn có thể gây nguy hiểm cho người lắp ráp và hoàn thiện. Máy bơm bê tông, máy phá dỡ thuỷ lực hoặc hoạt động-bơm tạo ra áp lực lớn trong các vòi cũng có thể gây nguy hiểm. Việc thi công cốt thép sử dụng vật liệu nặng, bình khí và thiết bị hàn, thi công trên độ cao ... có những hiểm hoạ đối với người thực hiện và cả với những người xung quanh. Hoạt động kéo sau với lực kéo có thể đến 250.000psi có thể gây nguy hiểm cho người theo tác và người giám sát...

**Các điều kiện hiện trường:** Điều kiện chung của hiện trường cũng chứa đựng những hiểm hoạ. Những vị trí tiếp giáp đường giao thông, dây dợ, đào đắp hoặc các vật liệu nguy hiểm có thể tạo ra các điều kiện mất an toàn. Thậm chí yếu tố thời tiết (mưa, tuyết, ngập nước, nắng nóng) cũng có thể gây tai nạn hoặc các rủi ro khác cho công nhân.

**Phòng ngừa:** Khi mọi người trên công trường đều nhận thức rõ các hiểm hoạ có thể xảy ra đồng thời chú trọng công tác phòng ngừa thì có thể giảm thiểu đáng kể tai nạn thương tích trên các công trường xây dựng.

<http://www.cement.org>

## **Trung Quốc xây dựng các kế hoạch tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải**

Theo hãng tin Tân Hoa ngày 5/3 - Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo cho biết, Trung Quốc sẽ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường trong năm 2009.

Trong bài báo cáo tại phiên họp thường niên của Quốc hội Trung Quốc, Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã nhấn mạnh, Chính phủ Trung Quốc sẽ chú trọng công tác bảo tồn năng lượng trong 3 lĩnh vực trọng điểm là công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng, đưa ra một loạt giải pháp nhằm bảo vệ môi trường, từ bảo tồn năng lượng và năng lượng sạch đến ngăn ngừa ô nhiễm.

Thủ tướng Trung Quốc cũng kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp của nhà nước cần đóng vai trò gương mẫu trong bảo tồn năng lượng và giảm phát thải.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ 11 (2006-2010) Trung Quốc đã đề ra mục tiêu mỗi năm giảm 4% mức tiêu thụ năng lượng trên 1 đơn vị GDP và 5 năm giảm 20%. Trong năm 2008, mức tiêu thụ năng lượng trên 1 đơn vị GDP của Trung Quốc đã giảm 4,59% so với năm 2007, điều đó cho thấy những giải pháp của Chính phủ Trung Quốc về giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng đã phát huy được hiệu quả.

Tuy vậy, một số chuyên gia cũng lo ngại rằng, do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhiều doanh nghiệp của Trung Quốc có thể sẽ ít đầu tư cho việc cắt giảm phát thải trong năm 2009, như vậy Trung Quốc sẽ phải đối mặt với áp lực ngày càng lớn hơn về cắt giảm phát thải. Trong hoàn cảnh hiện nay, việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế và đổi mới công nghệ cần được đẩy mạnh đồng thời và gắn liền với tăng trưởng kinh tế.

Theo ủy ban cải cách và phát triển quốc gia Trung Quốc, trong tháng 2/2009, chính quyền các cấp ở Trung Quốc đã phân phối 62 triệu bóng đèn tiết kiệm năng lượng cho các hộ gia đình trên toàn quốc. Trong giai đoạn 2008 - 2010, ủy ban này dự kiến phân phối khoảng 159 triệu bóng đèn tiết kiệm năng lượng cho nhân dân. Nếu kế hoạch trên được thực hiện thành công sẽ giúp cho Trung Quốc tiết kiệm được 29 tỷ kWh điện và giảm phát thải 29 triệu tấn CO<sub>2</sub> mỗi năm.

<http://www.xinhuanet.com>

### **Hai công ty Trung Quốc xin tham gia dự án xây dựng nhà máy thủy điện lớn nhất Ecuador**

Theo hãng tin Tân Hoa ngày 4/3 - Hai công ty Trung Quốc đã chào giá với Chính phủ Ecuador cho dự án xây dựng nhà máy thủy điện lớn nhất của nước này.

Bộ trưởng Điều phối các khu vực chiến lược Ecuador - Galo Borja cho biết, hai công ty đó là Sino-Ecuador (Gezhouba) và Sinohydro-Andes JV đã đề nghị bỏ 80-85% tổng số vốn đầu tư cần thiết để xây dựng nhà máy thủy điện Coca-Codo-Sincalir. Ngoài các công ty nói trên còn có một công ty của Italia và một công ty của Iran cũng bày tỏ sự quan tâm đến dự án này.

Tổng số vốn đầu tư xây dựng nhà máy ước tính khoảng 2 tỷ USD, sau khi hoàn thành và đi vào vận hành, nhà máy có thể đáp ứng cho 35% nhu cầu điện năng của Ecuador.

Lúc đầu, chính phủ Ecuador đã quyết định tự đầu tư xây dựng nhà máy này nhưng sau buộc phải thay đổi và cho phép các công ty nước ngoài tham gia do cuộc khủng hoảng tài chính thế giới.

<http://www.xinhuanet.com>

### **Chi-lê và Aentina hợp tác xây dựng đường hầm giữa hai nước**

Theo hãng tin Tân Hoa - Ngày 3/3/2009, Công ty Empresas Navieras của Chi-lê và Công ty America của Aentina đã ký kết với nhau hợp đồng xây dựng một tuyến đường hầm giữa Valparaiso - miền trung Chi-lê với Buenos Aires.

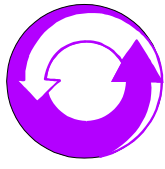
Đường hầm nói trên sẽ được xây dựng xuyên qua dãy núi Andean với thời gian xây dựng trong khoảng 7 năm.

Dự án nói trên sẽ giúp tăng cường trao đổi thương mại và du lịch ở Nam Mỹ, đồng thời kết nối Chi-lê với các nền kinh tế thuộc khu vực Thị trường chung Nam Phi (Mercosur).

Chi-lê và Aentina sẽ có thể vận tải trao đổi hàng hoá thông qua đường hầm này với khu vực châu Á - Thái Bình dương, Mỹ và châu Âu mà không đi qua kênh đào Panama và eo biển Magellan.

<http://www.chinaview.cn>

**ND: Bạch Minh Tuấn**



## **Hội nghị giao ban các Sở Xây dựng phía Bắc**

Ngày 27/2/2009 tại Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân và Bí thư Tỉnh uỷ Vĩnh Phúc Trịnh Đình Dũng đã chủ trì Hội nghị giao ban các Sở Xây dựng các tỉnh phía Bắc về công tác quản lý nhà nước ngành Xây dựng ở các địa phương. Tham dự Hội nghị có lãnh đạo 25 Sở Xây dựng và các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Phát biểu chào mừng Hội nghị, Bí thư Tỉnh uỷ Vĩnh Phúc Trịnh Đình Dũng đã giới thiệu khái quát về tình hình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc và bày tỏ sự hoan nghênh Bộ Xây dựng đã tổ chức một Hội nghị giao ban các Sở Xây dựng tại Vĩnh Phúc, coi đây là cơ hội để Vĩnh Phúc trao đổi và học tập kinh nghiệm của các tỉnh bạn. Sự chỉ đạo của đồng chí Bộ trưởng sẽ giúp cho tỉnh Vĩnh Phúc và các cơ quan quản lý ngành Xây dựng Vĩnh Phúc nắm bắt rõ hơn các công việc cần giải quyết để đưa ngành Xây dựng Vĩnh Phúc ngày càng phát triển.

Tỉnh Vĩnh Phúc là một trong những tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao nhất của cả nước, là tỉnh có quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra nhanh chóng, trong đó công nghiệp và dịch vụ hiện chiếm xấp xỉ 84%, nông nghiệp khoảng 16%. Trong những năm gần đây, Vĩnh Phúc đã thu hút được một nguồn vốn đầu tư FDI lớn và trở thành tỉnh có giá trị sản xuất công nghiệp đứng thứ 7 toàn quốc và đứng thứ 3 miền Bắc, sau Hà Nội và Hải Phòng. Tốc độ thu ngân sách của tỉnh cũng liên tục tăng cao, năm 2008 đạt 9.200 tỷ đồng, tỷ lệ thu nội địa đứng thứ 5 toàn quốc và thứ 2 miền Bắc. Chi ngân sách cho đầu tư phát triển đứng thứ 4 cả nước và đứng thứ 3 miền Bắc.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển nhanh chóng của mình, tỉnh Vĩnh Phúc gặp một số tồn tại đang là trở ngại lớn cho phát triển bền vững: tốc độ tăng trưởng cao nhưng chất lượng tăng



*Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân và Bí thư tỉnh uỷ Vĩnh Phúc Trịnh Đình Dũng chủ trì Hội nghị*

trưởng còn thấp, thiếu vững chắc; sự phụ thuộc vào khu vực kinh tế nước ngoài (hiện chiếm khoảng 60%); hạ tầng giao thông còn nhiều bất cập chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, quá trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông còn manh mún, chắp vá; những vấn đề về ô nhiễm môi trường, xử lý nước thải, rác thải và một số vấn đề xã hội diễn biến trong quá trình phát triển nếu không được quan tâm đúng mức sẽ trở thành những nhân tố cản trở quá trình phát triển và phát triển bền vững.

Tại Hội nghị, lãnh đạo một số Sở Xây dựng như Hà Nội, Hải Dương, Lạng Sơn, Hoà Bình... đã đăng đàn phát biểu về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương và kiến nghị một số sửa đổi về cơ chế chính sách xây dựng. Ví dụ như, chính sách đền bù giải phóng mặt bằng đối với dự án giao thông đi qua nhiều địa phương khác nhau không thống nhất gây khó khăn cho công tác giải phóng mặt bằng; trình tự thủ tục lập nhiệm vụ quy hoạch còn rườm rà cần được rút ngắn hơn; vốn cho công tác lập quy hoạch ở một số địa phương chưa được bố trí đáp ứng yêu cầu; khó khăn về biên chế và trình độ cán bộ...

Tại Hội nghị này, đại diện lãnh đạo các Cục,

Vụ chức năng của Bộ Xây dựng như Vụ Kiến trúc Quy hoạch, Vụ Vật liệu xây dựng, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đã giải đáp và hướng dẫn giải quyết một số vướng mắc cụ thể trong công tác quản lý nhà nước về xây dựng tại các địa phương đồng thời cũng tiếp thu những phản ánh, kiến nghị của các địa phương để nghiên cứu sửa đổi, ban hành mới các văn bản dẫn thực hiện.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã đánh giá cao những cố gắng của các Sở Xây dựng trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình tại các địa phương. Bộ trưởng yêu cầu các Sở Xây dựng cần nghiên cứu thật kỹ, nắm chắc các chức năng nhiệm vụ của mình, hiểu rõ vai trò quản lý nhà nước của mình và tăng cường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Xây dựng cũng như trao đổi với các cơ quan chức năng của Bộ Xây dựng để kịp thời tháo gỡ các bất cập, vướng mắc về cơ chế chính sách, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngành Xây dựng của các địa phương.

Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân cũng cảm ơn Tỉnh ủy, UBND tỉnh Vĩnh Phúc và Sở Xây dựng Vĩnh Phúc đã đăng cai tổ chức Hội nghị này, tạo điều kiện cho những người làm công tác quản lý ngành Xây dựng của các địa phương có cơ hội giao lưu với nhau, trao đổi và học tập kinh nghiệm, đồng thời cũng qua Hội nghị này, Bộ Xây dựng đã tiếp thu được nhiều ý kiến phản hồi của các địa phương để từ đó nghiên cứu ban hành, tham mưu cho Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách mới phù hợp hơn với thực tiễn.



Toàn cảnh Hội nghị

Minh Tuấn

## **Diễn đàn phát triển đô thị bền vững 2009: Những thách thức đối với lĩnh vực nước thải và rác thải ở Việt Nam**

Diễn đàn phát triển đô thị bền vững 2009 với chủ đề “Thách thức đối với lĩnh vực nước thải và rác thải ở Việt Nam” do Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Hợp tác và phát triển kinh tế CHLB Đức tổ chức đã diễn ra từ 26- 27/2/2009 tại Hà Nội.

Tham dự Diễn đàn về phía Việt Nam có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân và các đại diện của Cục Hạ tầng kỹ thuật, Vụ Hợp tác quốc tế và các cơ quan chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Phía CHLB Đức có bà Karin Kortmann - Quốc vụ khanh Bộ Hợp tác và phát triển kinh tế



Bà Karin Kortmann - Quốc vụ khanh Bộ Hợp tác và phát triển kinh tế CHLB Đức khai mạc Diễn đàn

CHLB Đức, các thành viên của Đoàn nghị sỹ Quốc hội Đức đang thăm và làm việc tại Việt Nam, các đại diện của Bộ Môi trường, bảo tồn thiên nhiên và an toàn hạt nhân CHLB Đức, thành phố Bremen, Hội đồng Hiệp hội nước Đức, Tổ chức Bồi dưỡng và nâng cao năng lực quốc tế (InWEnt), Cơ quan Phát triển (GTZ), Ngân hàng Phát triển (KfW), Tổ chức dịch vụ phát triển (DED), Đại học Khoa học ứng dụng Bremerhaven cùng các chuyên gia Đức đang làm việc tại Việt Nam trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật.

Đến dự diễn đàn còn có đại diện các Bộ ban ngành ở trung ương và các địa phương, các chuyên gia, các nhà khoa học, các doanh nghiệp nước ta hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường; các chuyên gia quốc tế đến từ Đức và các nước châu Á, các tổ chức tài trợ song phương và đa phương hoạt động trong các ngành liên quan tại Việt Nam.

Diễn đàn được tổ chức nhằm tạo điều kiện để các nhà hoạch định chính sách từ các Bộ, các cơ quan quản lý đô thị, các công ty cấp thoát nước, xử lý rác thải của Việt Nam thảo luận, trao đổi kinh nghiệm với các chuyên gia Đức. Mục tiêu tổng quát của Diễn đàn là hỗ trợ Chính phủ Việt Nam tăng cường và thúc đẩy sự tham gia của Chính phủ trong việc cải thiện điều kiện sống cho dân cư đô thị thông qua các hệ thống quản lý nước thải và chất thải đô thị bền vững, vốn được coi là điều cốt yếu để đạt được mục tiêu Phát triển Thiên nhiên kỷ số 7 ở Việt Nam. Mục tiêu cụ thể của Diễn đàn là giúp các đại biểu nhìn nhận rõ hơn các vấn đề trong lĩnh vực nước thải và rác thải đô thị, xác định các nhu cầu hành động ưu tiên. Hội nghị cũng sẽ hỗ trợ Việt Nam trong việc tăng cường và thúc đẩy các nỗ lực trong việc quản lý nước thải và rác thải.

Diễn đàn là nơi gặp gỡ của những người ra quyết định thuộc các bộ ngành và các cơ quan liên quan của Việt Nam, cũng như đại diện các chính quyền địa phương và các công ty dịch vụ nước của các tỉnh thuộc Chương trình Hợp tác



*Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân phát biểu tại Diễn đàn*

phát triển Đức về lĩnh vực quản lý nước thải và chất thải rắn.

Báo cáo tại Diễn đàn cho thấy bảo vệ môi trường là vấn đề sống còn của nhân loại, là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Qua 20 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam không ngừng tăng trưởng, mạng lưới đô thị quốc gia ngày càng được mở rộng, Nhà nước đang tập trung quy hoạch, đầu tư xây dựng và phát triển đô thị bền vững, làm tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao điều kiện sống cho nhân dân, trong đó công tác đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là công tác cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

Trong những năm qua, dịch vụ cấp thoát nước và vệ sinh môi trường ở nước ta đã và đang từng bước được cải thiện, các đô thị nước ta đã sạch hơn, đẹp hơn. Tuy nhiên, môi trường đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật vẫn còn ở mức thấp, chưa đáp ứng kịp so với yêu cầu, nhất là đối với lĩnh vực thoát nước và xử lý chất thải rắn.

Công tác phát triển các hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải rắn tại các đô thị và KCN ở Việt Nam trong những năm vừa qua mặc dù đã được Chính phủ và chính quyền các địa phương quan tâm hơn, nhưng vẫn còn

nhiều vấn đề bất cập. Môi trường tại các đô thị và KCN bị ô nhiễm. Nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp chưa qua xử lý đã xả trực tiếp vào nguồn nước tiếp nhận; nhiều dòng sông, kênh mương thoát nước đô thị, các bãi chôn lấp rác bị ô nhiễm đến mức cao gây ảnh hưởng rất lớn đến việc bảo vệ sức khỏe, sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng trên là do chúng ta chưa có quy hoạch, kế hoạch phát triển đồng bộ, thiếu sự phối hợp chung trong đầu tư xây dựng và quản lý vận hành, chưa huy động tốt các nguồn lực trong xã hội cùng tham gia, đặc biệt là việc huy động nguồn vốn và tổ chức quản lý cũng còn nhiều yếu kém. Mặt khác, do sức ép của quá trình đô thị hoá, gia tăng dân số, di dân tập trung cao tại các đô thị lớn đã gây tình trạng quá tải về hạ tầng kỹ thuật và hiện nay đang là những thách thức rất lớn. Trong khi đó, cơ chế chính sách phát triển còn chậm đổi mới, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác quản lý, phát triển cấp thoát nước và xử lý chất thải rắn còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa có tính pháp lý cao để thống nhất quản lý nhà nước về lĩnh vực thoát nước và vệ sinh môi trường thực sự có hiệu quả.

Từ những nguyên nhân nêu trên, Chính phủ đã ban hành một số nghị định liên quan lĩnh vực thoát nước, quản lý chất thải rắn, phát triển hạ tầng kỹ thuật. Các Nghị định mới ban hành này là công cụ quản lý thống nhất có tính pháp lý cao nhằm cải cách, thúc đẩy ngành thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Các nghị định của Chính phủ đã quy định nhiều vấn đề mới, có tính cải cách đối với nước ta.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các Nghị định trên vào cuộc sống hiện nay cũng còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như việc huy động các nguồn lực tham gia, đặc biệt các biện pháp huy động vốn cho công tác phát triển thoát nước và xử lý nước thải còn chưa hấp dẫn được

các nhà đầu tư tham gia. Do nhận thức chưa đầy đủ nên một số chính quyền địa phương chưa tích cực tổ chức triển khai thực hiện Nghị định tại địa phương. Nhiều bộ phận cộng đồng dân chúng cũng chưa nhận thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc bảo vệ môi trường. Nhiều vấn đề về tài chính, giải pháp kỹ thuật cũng như nguồn nhân lực, mô hình tổ chức quản lý còn cần phải tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hoá thêm...

Phát biểu tại Diễn đàn, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã nhấn mạnh: Môi trường đã trở thành vấn đề toàn cầu, không còn là việc riêng của một quốc gia nào. Và trong một quốc gia, như ở Việt Nam, không phải một ngành, một cấp chính quyền nào có thể giải quyết được vấn đề môi trường một cách riêng rẽ mà cần có sự phối hợp đa ngành, xuyên suốt từ trung ương đến các cấp chính quyền địa phương, sự tham gia của tất cả các tổ chức, cá nhân. Việc chúng ta cùng chung nhận thức, cùng xác định và đồng lòng thực hiện các chính sách, giải pháp hữu hiệu là quan trọng, đảm bảo cho sự thành công, đạt được các mục tiêu mà chúng ta đặt ra.

Bài phát biểu khai mạc của bà Karin Kortmann - Quốc vụ khanh Bộ Hợp tác và phát triển kinh tế Liên bang Đức và các chuyên gia Đức tham gia Diễn đàn đã nêu lên tầm quan trọng có tính toàn cầu của công tác quản lý nước thải và rác thải như đã nêu trong Tuyên bố Thiên niên kỷ mà Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua năm 2000. Các báo cáo cũng đã đánh giá cao sự hợp tác giữa Chính phủ Đức với Chính phủ Việt Nam trong lĩnh vực này.

Tại châu Á có 5 quốc gia mà Chính phủ Đức triển khai các hoạt động hợp tác phát triển trong ngành nước và vệ sinh, đối với Việt Nam sự hợp tác này đã được bắt đầu từ năm 2002. Hiện tại, việc nâng cấp các hệ thống thoát nước và việc xây dựng các nhà máy xử lý nước thải đang được thực hiện tại 6 tỉnh thành phố với sự hỗ trợ của Đức, trong thời gian tới sẽ có thêm 2 đến 3 tỉnh nữa tham gia chương trình hỗ trợ trên. Việc



triển khai đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý nước thải công nghiệp tại Việt Nam cũng đã được bắt đầu với tổng giá trị đầu tư khoảng 200 triệu Euro, trong đó phía Đức cung cấp 142 triệu và Việt Nam đóng góp 58 triệu.

Các nhà máy xử lý nước thải trên sẽ được trang bị các công nghệ mới, do đó các cty thoát nước đô thị cũng sẽ được cung cấp sự tư vấn và đào tạo mang tính toàn diện và dài hạn nhằm nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng cũng như năng lực quản lý tài chính. Việc trao đổi thông tin và duy trì các quan hệ với khách hàng nay cũng là những yếu tố quan trọng. Bởi vì, trước đây người dân chỉ là những người tiếp nhận thu động các dịch vụ do chính quyền cung cấp, nay họ trở thành những khách hàng có quyền lợi và nghĩa vụ.

Công tác quản lý nước thải và rác thải phải bao gồm cả vấn đề biến đổi khí hậu; các dự án đầu tư và phát triển đô thị bền vững cần phải chống lại được sự tác động của thời tiết. Ngành quản lý nước thải và rác thải có tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính qua đó góp phần tích cực bảo vệ khí hậu toàn cầu. Phát triển đô thị bền vững cũng bao gồm nhiều khía cạnh khác quan trọng đối với khí hậu và bảo vệ môi trường, như hỗ trợ giao thông công cộng ít các bon và xây dựng nhà sử dụng năng lượng hiệu quả.

Để khắc phục những thách thức to lớn mà các thành phố thế giới nói chung và ở châu Á nói riêng đang phải đối mặt, Sáng kiến phát triển đô thị châu Á (CDIA) do Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) phối hợp với Bộ Hợp tác và phát triển Liên bang Đức triển khai vào tháng 5/2007 giữ một vai trò quan trọng. Sáng kiến này hỗ trợ các thành phố trong thực hiện quy hoạch phát triển đô thị dựa trên sự tham gia rộng rãi của cộng đồng. Mục tiêu dài hạn của Sáng kiến là hỗ trợ sự phát triển đô thị vì người nghèo và bền vững về sinh thái tại các đô thị quy mô trung bình của châu Á. Mục tiêu trọng tâm của Sáng kiến là cải thiện điều kiện sống của người dân cũng như tình hình môi trường tại các thành phố này.



*Các đại biểu tham dự Diễn đàn*

Phát biểu tại Diễn đàn, bà Karin Kortmann đã cho biết, thời gian qua, sự hợp tác giữa Đức và Việt Nam đã đạt nhiều thành công nhờ sự phối hợp chặt chẽ các nỗ lực của cả 2 phía, tuy nhiên phía trước vẫn còn nhiều thách thức đòi hỏi phải được giải quyết. Do đó, Bộ Hợp tác và phát triển kinh tế Liên bang Đức chủ trì Diễn đàn này để tạo ra động lực và cảm hứng mới nhằm tiếp tục phát triển ngành quản lý nước thải và rác thải của Việt Nam. Những kết quả thảo luận tại Diễn đàn sẽ góp phần tìm ra các giải pháp cho các vấn đề ưu tiên, cũng như các khó khăn, vướng mắc.

Các báo cáo của các chuyên gia Việt Nam đề cập các thành tựu đạt được, những thách thức hiện tại và trong tương lai của lĩnh vực vệ sinh đô thị; tính hợp lý của các điều kiện khung về pháp lý và quy định; việc thực hiện các cơ cấu tổ chức và thể chế và xây dựng năng lực; hợp tác khoa học - công nghệ Việt - Đức trong lĩnh vực nước; thu gom xử lý nước thải hộ gia đình và cụm dân cư tại đô thị Việt Nam; quản lý chất thải rắn tại thành phố Hà Nội.

Các báo cáo của các chuyên gia Đức nêu lên những thách thức và cơ hội của tương lai đô thị; chính sách phát triển hạ tầng đô thị bền vững; vấn đề vốn tài trợ cho lĩnh vực nước thải và rác thải; sự đóng góp của Đức giải quyết các thách thức trong quản lý nước; xử lý nước thải phân tán; sự tham gia của khu vực tư nhân trong lĩnh vực nước thải.

Ngoài các báo cáo tham luận, các đại biểu tham dự Diễn đàn đã tiến hành thảo luận theo 4 nhóm chủ đề: Các chính sách phát triển hạ tầng đô thị bền vững; Tính hợp lý của các điều kiện khung về pháp lý và quy định; Cấp vốn tài trợ cho lĩnh vực nước thải và rác thải; Cho phép thực hiện các cơ cấu tổ chức và thể chế, cũng như việc xây dựng năng lực liên quan;

Tại các cuộc thảo luận nhóm, các chuyên gia Đức và châu Á đã giới thiệu các ví dụ thực tế và các kinh nghiệm đúc rút từ thực tế, đồng thời thảo luận tài liệu Tuyên bố của Diễn đàn và các

Khuyến nghị gửi các nhà hoạch định chính sách.

Diễn đàn Phát triển đô thị bền vững 2009 là cơ hội tốt để các chuyên gia 2 nước cùng nhau bàn về những khó khăn thách thức, trao đổi kinh nghiệm, tìm ra các giải pháp nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý nước thải và rác thải ở các đô thị, góp phần tích cực thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, đảm bảo sự bền vững của môi trường trong phát triển đô thị tại Việt Nam.

Huỳnh Phước

## **Hội nghị tập huấn Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị quyết 33/2008/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện thí điểm một số thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng đối với dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp**

Theo sự chỉ đạo của Bộ Xây dựng, ngày 3/3/2009, Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị tổ chức Hội nghị tập huấn Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện thí điểm một số thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng đối với dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Tham dự Hội nghị tập huấn có các học viên đến từ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; sở, ban, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước, các doanh nghiệp; các ban quản lý dự án. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đã đến dự và phát biểu khai mạc.

Tại Hội nghị này, Vụ trưởng Vụ pháp chế Bộ Xây dựng Chu Văn Chung đã giới thiệu cho các học viên về bối cảnh ra đời của hai văn bản trên. Thứ nhất, đó là do những bất cập của hệ

thống văn bản như quá nhiều văn bản, chậm hướng dẫn, hay thay đổi, chồng chéo, mâu thuẫn, khó hiểu, lờ mờ không rõ. Thứ hai, đó là những tồn tại của các cơ quan Nhà nước như lực lượng còn mỏng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ còn yếu, ý thức pháp luật chưa cao. Thứ ba, là từ phía chủ đầu tư và xã hội, như nắm bắt và thực hiện pháp luật chưa thật tốt, hay né tránh, đùn đẩy trách nhiệm cho nhau. Chính vì vậy, Chính phủ ban hành hai văn bản trên nhằm tháo gỡ vướng mắc, giảm thiểu các thủ tục, rút ngắn thời gian, nâng cao hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Nghị định số 12/2009/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình ra đời nhằm hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình; điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân trong hoạt động xây dựng. Nghị định có hiệu lực từ ngày 2/4/2009 và thay thế Nghị định số

16/2005/NĐ - CP ngày 7/2/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Những điểm mới về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tại Nghị định số 12/2009/NĐ - CP so với Nghị định số 16/2005/NĐ- CP và Nghị định số 112/2006/NĐ - CP là:

- Về phân loại dự án (Điều 2 và Phụ lục): ở Nghị định 12/2009/NĐ- CP đã quy định rằng dự án nhóm A là dự án có vốn là 500 tỷ đồng trở lên, nhóm B là từ 30 đến 350 tỷ đồng, nhóm C từ 15 đến 75 tỷ đồng. Nghị định này đã bỏ quy định “Người quyết định đầu tư có trách nhiệm bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện dự án, nhưng không quá 2 năm đối với dự án nhóm C, 4 năm đối với dự án nhóm B”.

- Về xác định chủ đầu tư (Điều 3): Nghị định 12/2009/NĐ- CP đã quy định: Đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, chủ đầu tư là một trong các cơ quan, tổ chức sau: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và DNNN, đối với các dự án do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan cấp Bộ, Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư thì chủ đầu tư là đơn vị quản lý, sử dụng công trình. Trường hợp không xác định được chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư có thể uỷ thác cho đơn vị khác có đủ điều kiện làm chủ đầu tư hoặc đồng thời làm chủ đầu tư.

- Về thẩm định dự án và thiết kế cơ sở (Điều 10,11): Nghị định 12/2009/NĐ- CP đã quy định Tổng Công ty Nhà nước/tập đoàn kinh tế được tự thẩm định thiết kế cơ sở.

- Về thẩm quyền quyết định đầu tư (Điều 12): Đối với dự án quan trọng quốc gia, Nghị định 12/2009/NĐ- CP đã bỏ mục 2 “Các dự án sử dụng vốn khác” và bổ sung thêm: “dự án quan trọng khác, sử dụng vốn Ngân sách Nhà

nước”. Nghị định 12/2009/NĐ- CP đã thay thế thẩm quyền cấp quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện: “Dự án nhỏ hơn hoặc bằng 5 tỷ thuộc Ngân sách cấp trên hỗ trợ” bằng “dự án do Ngân sách cấp trên hỗ trợ, không hạn chế 5 tỷ đồng”. Còn đối với Chủ tịch UBND cấp xã thì “dự án nhỏ hơn hoặc bằng 3 tỷ thuộc Ngân sách cấp trên hỗ trợ” được thay thế bằng: “Dự án do Ngân sách cấp trên hỗ trợ, không hạn chế 3 tỷ đồng”.

- Về báo cáo kinh tế kỹ thuật (Không phải lập dự án: Điều 13): “Công trình cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới trụ sở cơ quan có tổng mức đầu tư dưới 3 tỷ đồng” được sửa thành “15 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất). Người có thẩm quyền quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo kinh tế – kỹ thuật xây dựng công trình và quyết định đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định bản vẽ thi công và dự toán để người quyết định đầu tư phê duyệt Báo cáo kinh tế – kỹ thuật.

- Về điều chỉnh dự án (Điều 14): Nghị định 12/2009/NĐ- CP đã quy định dự án đầu tư xây dựng công trình được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau: Thiên tai, các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án, khi quy hoạch thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, tính chất, mục tiêu của dự án.

- Nghị định 12/2009/NĐ- CP đã bổ sung thêm điều 15 về Thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình xây dựng: đối tượng cấp huyện trở lên được sửa thành công trình quy mô lớn, có yêu cầu kiến trúc đặc thù. Thẩm quyền là “pháp luật” thì sửa thành “người quyết định đầu tư”, hình thức “thi tuyển” thì bổ sung thêm hình thức “tuyển chọn”.

- Về thiết kế xây dựng (Điều 16, 18): Nghị định 12/2009/NĐ- CP đã quy định là thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật đều có thêm các bước thiết kế khác.

- Cấp giấy phép xây dựng (Điều 19, 23, 24, 25 + Phụ lục 6): Về việc miễn cấp giấy phép thi

Nghị định 12/2009/NĐ- CP đã bổ sung thêm 2 nhóm so với 6 nhóm trước đây là: “Công trình thuộc khu chế xuất” và “công trình thuộc khu công nghệ cao”. Thẩm quyền cấp, trước là “Sở Xây dựng” được sửa thành “tỉnh, huyện, xã”.

- Quản lý khối lượng thi công phần phát sinh (Điều 33, 34, 35): Trước thẩm quyền là “người quyết định đầu tư” được sửa thành “Chủ đầu tư”.

- Năng lực hoạt động xây dựng (Điều 36, 37, 40, 43, 44, 46, 49, 50, 51, 52, 53)

- Thêm một điều về giám sát, đánh giá đầu tư (Điều 4)

- Thêm một điều về phá dỡ công trình xây dựng (Điều 32)

- Làm rõ thêm phạm vi áp dụng và quy định ở một số điều

Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện thí điểm một số thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng đối với dự án khu

đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hướng dẫn về thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng; về thủ tục thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; về thủ tục giao đất, cho thuê đất và thu tiền sử dụng đất, về thủ tục thoả thuận chiều cao công trình; về thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước. Nghị quyết này đã giảm thiểu được các thủ tục, rút ngắn thời gian, nâng cao hiệu quả quản lý và đầu tư đối với ba loại dự án nêu trên.

Qua việc tập huấn hai văn bản trên, các học viên có cơ hội được giải đáp thắc mắc, nắm bắt một cách cụ thể, chi tiết và thông suốt nội dung, cũng như những điểm mới của 02 văn bản trên, làm cơ sở ứng dụng vào thực tế công tác.

**Nghiêm Thuý Giang**

## **Thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai được công nhận là đô thị loại II**

Thành phố Pleiku là trung tâm chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, văn hoá thể thao của tỉnh Gia Lai, đồng thời là đô thị trung tâm vùng Bắc Tây Nguyên có một số chức năng chuyên ngành phục vụ cho vùng, đã được công nhận là đô thị loại III vào năm 1998. Thành phố có vai trò đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng, nằm tại vị trí có điều kiện giao lưu kinh tế với các nước trong khu vực thông qua các cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và Bờ Y (tỉnh Kon Tum) bằng đường bộ. Trong nhiều năm liền, thành phố có mức tăng trưởng kinh tế khá so với sự phát triển chung trong tỉnh và khu vực.

Các chỉ tiêu về kinh tế xã hội của thành phố: Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2007 trên địa bàn thành phố đạt 803 tỷ đồng/năm; thu nhập bình quân đầu người: 1.032 USD/người/năm; cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư; mức tăng trưởng kinh tế bình quân năm đạt trên

14%; mức tăng dân số trung bình năm là 2,05%; tỷ lệ các hộ nghèo là 1,95%;

Tổng số lao động phi nông nghiệp tại khu vực nội thị thành phố Pleiku là 67.161 lao động trên tổng số 75.833 lao động trong các ngành kinh tế. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 88,56%.

Một số chỉ tiêu về hạ tầng đô thị của thành phố như sau:

- Nhà ở: Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở khu vực nội thành đạt 3.411.551m<sup>2</sup>, tương ứng với bình quân 19,4m<sup>2</sup>/người. Tổng số nhà kiên cố là 27.725 nhà, đạt 67,62% trên tổng quỹ nhà của thành phố.

- Công trình công cộng:

+ Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở đạt 31,82 ha, bình quân 1,81m<sup>2</sup>/người.

+ Đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị hiện có 164,2 ha, đạt 9,34m<sup>2</sup>/người.

+ Đất dân dụng hiện có 2.217 ha, đạt 126,09m<sup>2</sup>/người.

- Giao thông:

Đối với khu vực Bắc Tây Nguyên, thành phố Pleiku là đầu mối giao thông cấp vùng về đường bộ và đường hàng không, là trung điểm liên kết giữa vùng Trung và Nam Trung bộ với các nước Lào, Campuchia, Thái Lan. Diện tích đất giao thông nội thị là 437,32 ha, chiếm tỷ lệ 19,73% trong tổng diện tích đất dân dụng (không tính diện tích khu vực núi Quyết và mặt nước các sông suối không sử dụng xây dựng đô thị được). Mật độ đường chính nội thành đạt gần 4,8km/km<sup>2</sup>. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 5,4%.

- Cấp nước: Tiêu chuẩn cấp nước sạch hiện đạt 102,5lít/người/ngày-đêm. Tỷ lệ dân được cấp nước sạch đạt 81,7%.

- Thoát nước: Mật độ đường ống thoát nước chính đạt 3,66km/km<sup>2</sup> đất dân dụng với chiều dài hệ thống đường ống chính đạt 83 km. Tỷ lệ nước bẩn được thu gom hiện nay chỉ đạt khoảng 60%. Hiện tại đang xúc tiến triển khai dự án xây dựng hệ thống công trình xử lý nước thải sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi của Chính phủ Phần Lan.

- Cấp điện và chiếu sáng đô thị: Điện năng tiêu thụ khu vực nội thị đạt bình quân 606kw/người/năm. Tỷ lệ các đường phố chính được chiếu sáng đạt tỷ lệ 95,6% với tổng số 161km chiều dài đường được chiếu sáng.

- Thông tin, bưu điện: Tổng số máy điện

thoại cố định khu vực nội thành đạt bình quân 23 máy/100 dân.

- Môi trường: Tổng diện tích cây xanh đô thị của thành phố đạt 150,6ha, bình quân 11,21m<sup>2</sup>/người. Đất cây xanh trong khu dân dụng đạt 8,57m<sup>2</sup>/người. Tỷ lệ rác được thu gom đạt 80,58%.

Để đảm bảo các chỉ tiêu về xử lý nước thải và chất thải của thành phố trong giai đoạn đầu thành phố đã có các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải và rác thải bằng nguồn vốn ưu đãi từ nguồn vốn ODA đã được các Bộ, Ngành có liên quan thỏa thuận.

Tổng số dân nội thị thành phố Pleiku hiện tại là 233.990 người (tính cả dân số quy đổi). Mật độ dân số khu vực nội thành hiện đạt 7.175 người/km<sup>2</sup>, phù hợp với quy định khi áp dụng tính toán cho các đô thị theo yếu tố vùng, miền.

Ngày 9/1/2009 Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng đã tiến hành thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Pleiku là đô thị loại II. Tổng số điểm đánh giá xếp loại thành phố Pleiku là đô thị loại II đạt 82/100 điểm.

Trên cơ sở kết quả thẩm định và việc UBND tỉnh Gia Lai tiếp thu và thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng, ngày 25/02/2009 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 249/2009/QĐ-TTg công nhận thành phố Pleiku tỉnh Gia Lai là đô thị loại II.

Huỳnh Phước

## **Thành phố Đà Lạt được đề nghị công nhận là đô thị loại I**

Thành phố Đà Lạt là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá, dịch vụ và đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng, là tỉnh lỵ tỉnh Lâm Đồng, là một trong những trung tâm du lịch của vùng, cả nước và quốc tế, là trung tâm đào tạo đa ngành, nghiên cứu khoa học lớn của cả nước.

Năm 1999, thành phố Đà Lạt được công nhận là đô thị loại II và tập trung mọi nguồn lực

nhằm phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; đồng thời đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, chỉnh trang, quản lý đô thị theo quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại.

Ngày 27/5/2002 Thủ tướng Chính phủ có quyết định số 409/2002/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thành phố Đà Lạt và

vùng phụ cận đến năm 2020. Ngày 14/11/2006 UBND tỉnh Lâm Đồng đã có Quyết định 3391/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch vùng thành phố Đà Lạt đến năm 2020 và triển khai đầu tư xây dựng các khu dân cư, du lịch, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đặc biệt là các dự án đầu tư về du lịch, nghỉ dưỡng, đào tạo.

Sau 10 năm được công nhận đô thị loại II, thành phố đã có những bước chuyển biến cơ bản, kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng du lịch - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông - lâm nghiệp; phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ, đô thị hoá gắn liền với chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, tăng trưởng với tỷ lệ cao và ổn định.

Việc nâng cấp đô thị sẽ tạo ra các điều kiện cần thiết để thành phố có thể đáp ứng được các chức năng, nhiệm vụ mới đã đề ra.

Là đô thị loại I thành phố Đà Lạt sẽ định hướng phát triển và đầu tư nâng cấp về mọi mặt theo các tiêu chí cao hơn, qua đó sẽ mang lại bộ mặt đô thị văn minh, hiện đại và một cuộc sống tốt, tiện nghi hơn cho cư dân đô thị; đồng thời tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò chức năng là đô thị trung tâm có tác động tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả vùng.

Thành phố Đà Lạt đạt chuẩn đô thị loại I sẽ góp phần xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống đô thị của vùng Tây Nguyên theo quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đã được phê duyệt.

Xét về vị trí và phạm vi ảnh hưởng, TP Đà Lạt là đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng, tỉnh lỵ của tỉnh Lâm Đồng; là một trong những trung tâm du lịch, đặc biệt là du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng, hội nghị, hội thảo và sinh thái của vùng, cả nước và quốc tế. Thành phố còn là một trung tâm đào tạo đa ngành, trung tâm nghiên cứu khoa học lớn của cả nước; là khu vực sản xuất chế biến rau và hoa chất lượng cao để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; là đô thị có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh của vùng Tây Nguyên.

Trong những năm qua thành phố đã phấn

đầu đạt được các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đáng phấn khởi. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm giai đoạn 2005 - 2007 luôn ổn định ở mức cao: Năm 2005 là 14,2%, năm 2006 - 16%, năm 2007 - 17% và năm 2008 - 17,2%. Thu ngân sách trên địa bàn năm 2007 đạt 960,293 tỷ đồng. Cân đối thu chi ngân sách địa phương đảm bảo được ngân sách và có điều tiết về ngân sách của cấp trên. Cơ cấu GDP năm 2007: Khu vực nông nghiệp đạt 11,8%, khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 16,1% và khu vực thương mại, dịch vụ đạt 72,1%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2008 đạt 14,4 triệu đồng/người (tương đương 889,7 USD/người). Tỷ lệ hộ nghèo là 1,78%. Mức tăng dân số trung bình hàng năm đạt 1,427%.

Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của thành phố được xác định qua các số liệu sau: Số dân thường trú trong nội thành thành phố là 178.377 người, trong đó số người làm việc trong các ngành kinh tế là 60.831 người, số lao động phi nông nghiệp đạt 55.502 người. Do vậy tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của thành phố là 90,5%.

Tính đến năm 2007 dân số nội thành thành phố là 178.377 người và dân số tạm trú tính quy đổi là 78.216 người. Do đó, dân số thành phố đạt 256.593 người.

Diện tích đất tự nhiên của nội thành thành phố là 195,04km<sup>2</sup> trong đó diện tích đất xây dựng đô thị đạt 28,11 km<sup>2</sup>. Với số dân đô thị của thành phố như trên thì mật độ dân số đô thị của thành phố là 9.128 người/km<sup>2</sup>.

Thành phố đã đạt được các chỉ tiêu hạ tầng đô thị như sau: Tổng diện tích nhà ở khu vực nội thành là 2.576.720 m<sup>2</sup> sàn, diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 14,45 m<sup>2</sup> sàn/người. Tỷ lệ nhà ở kiên cố so với tổng quỹ nhà là 58,45%. Mật độ đường chính đạt 5,99 km/km<sup>2</sup>. Số hộ được cấp nước sạch đạt tỷ lệ 100% với tiêu chuẩn cấp nước là 124,46 lít/người/ngày. 100% số dân nội thành được cấp điện với mức 835,02 kwh/người/năm. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 92%. Tỷ lệ thu gom rác đạt 85%. Thông tin liên lạc đạt 33 máy/100 dân.

Ngoài những thành tựu đã đạt được, thành phố đã triển khai thực hiện các biện pháp giúp khắc phục một số mặt còn yếu như lập quy hoạch chi tiết sử dụng đất, xác định các vùng chức năng và xây dựng các hạng mục công trình chính, trong đó triển khai lập các đồ án quy hoạch chi tiết tiến tới phủ kín quy hoạch chi tiết khu vực nội thành; xác định quy mô và vị trí các khu dân dụng (khu ở, công trình dịch vụ, cây xanh), khu công nghiệp, kho tàng, các trung tâm chuyên ngành. Thành phố cũng đã thực hiện những công việc cụ thể sau:

- Triển khai dự án phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp, để án nhà ở tái định cư cho các dự án trên địa bàn thành phố nhằm giải quyết nhà ở cho công chức và nhân dân, kết hợp xây dựng đồng bộ hệ thống kỹ thuật hạ tầng các khu dân cư mới;

- Đối với các khu trung tâm chuyên ngành của tỉnh, hoàn tất công tác giải phóng mặt bằng để triển khai các công tác tiếp theo;

Các dự án nêu trên được ưu tiên bố trí kế hoạch năm 2008 - 2010 theo cơ chế ngân sách ưu đãi đối với thành phố Đà Lạt sẽ góp phần

xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, khắc phục được các chỉ tiêu còn thiếu của lĩnh vực này.

Nhận thấy thành phố Đà Lạt đã hội đủ các yếu tố và tiêu chí của đô thị loại I, UBND tỉnh Lâm Đồng đã đề nghị Bộ Xây dựng thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Đà Lạt là đô thị loại I và đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định công nhận thành phố là đô thị loại I.

Ngày 6/3/2009 Bộ Xây dựng đã tổ chức thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Đà Lạt là đô thị loại I. Thành phố Đà Lạt đã được đánh giá đạt 84 điểm/100 điểm.

Được công nhận là đô thị loại I, thành phố sẽ có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh hơn, bền vững hơn và tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò chức năng là trung tâm du lịch, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo của vùng, có tác động tích cực thúc đẩy sự phát triển của các vùng phụ cận.

Huỳnh Phước

## **Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng tổ chức Lễ mít tinh kỷ niệm 99 năm ngày Quốc tế phụ nữ 8- 3 và 1969 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng**

Sáng ngày 5/3, tại Bộ Xây dựng, Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng đã tổ chức mít tinh kỷ niệm 99 năm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và 1969 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Đến dự buổi lễ có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Ngọc Chính, Phó Chủ tịch Công đoàn XDVN Nguyễn Thị Yên, Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Trương Thị Bích Hà; Ban nữ công Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng, đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện... cùng toàn thể chị em phụ nữ trong khối cơ quan Bộ.

Cách đây 97 năm, ngày 26 và 27 tháng 8 năm 1910, Đại hội phụ nữ quốc tế họp tại Cô-



*Thứ trưởng Trần Ngọc Chính phát biểu tại buổi Lễ*

pen-ha-gen (Thủ đô Đan Mạch) đã quyết định lấy ngày 8/3 làm ngày Quốc tế phụ nữ, ngày

đoàn kết đấu tranh của phụ nữ với khẩu hiệu: Ngày làm việc 8 giờ; việc làm ngang nhau; bảo vệ bà mẹ và trẻ em. Từ đó ngày 8/3 đã trở thành ngày truyền thống của phụ nữ lao động trên toàn thế giới, ngày hội của phụ nữ thế giới, đoàn kết đấu tranh để tự giải phóng, thực hiện quyền nam nữ bình đẳng và cũng từ đó, phụ nữ tiến bộ khắp năm châu tổ chức ngày 8/3 với những nội dung và hình thức phong phú.

Ở nước ta, ngày 8/3 còn là ngày kỷ niệm cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, 2 vị nữ anh hùng dân tộc đầu tiên đánh đuổi giặc ngoại xâm phương Bắc, giành lại chủ quyền dân tộc. Lễ tưởng niệm Hai Bà Trưng không chỉ là dịp để tưởng nhớ công đức của 2 bà mà còn để phụ nữ Việt Nam hãnh diện về khí phách anh hùng, sự nghiệp phi thường, tấm gương sáng để hậu thế noi theo được ghi trong lịch sử đấu tranh hào hùng của dân tộc. Niềm tự hào và ý chí vươn lên của phụ nữ Việt Nam một phần cũng có cội nguồn từ truyền thống dân tộc độc đáo đó.

Tại buổi Lễ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Ngọc Chính đã phát biểu chúc mừng đồng thời

bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc và đánh giá cao những nỗ lực và đóng góp to lớn của phụ nữ ngành Xây dựng trong sự phát triển chung của Ngành, trong công tác xã hội và đặc biệt là trong việc xây dựng và giữ gìn mái ấm gia đình.

Hoạt động tổ chức chào mừng, tổ chức các cuộc thi và giao lưu văn nghệ là điều không thể thiếu trong ngày kỷ niệm 8/3 hàng năm của Công đoàn Cơ quan Bộ. Ngày 8/3 năm nay, Công đoàn đã tổ chức giao lưu văn nghệ, tổ chức ca nhạc dưới hình thức trò chơi đã mang lại những nét mới và sự phấn khởi cho toàn thể chị em phụ nữ.

Lễ kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 hàng năm đã trở thành ngày tôn vinh phái đẹp của Công đoàn Bộ, là động lực để các nhân viên không ngừng phấn đấu và cống hiến vì sự phát triển chung của ngành Xây dựng mà trong đó có những đóng góp không nhỏ của các nữ nhân viên cơ quan Bộ Xây dựng.

**Nghiêm Thúy Giang**

## **Hội thảo “Nâng cao tính chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật”**

Sáng ngày 5/3/2009 tại Hà Nội, Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam (VECAS) đã tổ chức Hội thảo “Nâng cao tính chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật” với sự tham dự của đại diện lãnh đạo các đơn vị tư vấn là thành viên của Hiệp hội. Ông Monotori Tsuno – Trưởng Đại diện tổ chức JICA Nhật Bản tại Việt Nam và ông Trần Ngọc Hùng – Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam đã đến dự Hội thảo.

Tại Hội thảo, Chủ tịch Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam Nguyễn Cảnh Chất đã có bài phát biểu khai mạc, nhấn mạnh đến việc các nhà kinh doanh dịch vụ tư vấn cần chú trọng cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ để thoả mãn nhu cầu của khách hàng trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế. Để hướng tới



*Đoàn chủ tịch Hội thảo*

nền kinh tế thị trường với phương thức kinh doanh hiện đại, các nhà tư vấn của Việt Nam cần tiếp cận cách thức làm ăn mới, trong đó tính chuyên nghiệp là yếu tố quan trọng khẳng định khả năng và bản lĩnh của nhà tư vấn.



Theo nhận định hiện nay của ngành tư vấn của nhiều nước trên thế giới, thế kỷ 21 đã mang đến các yêu cầu mới, đòi hỏi doanh nghiệp tư vấn phải nhanh chóng hoà nhập với sự thay đổi đó. Học tập và tốc độ phải được xem trọng. Xã hội ngày càng có yêu cầu cao đối với các tổ chức và cá nhân hành nghề tư vấn. Để đáp ứng trách nhiệm xã hội, mỗi tổ chức tư vấn, mỗi cá nhân đều cần cố gắng tăng cường tính chuyên nghiệp. Tính chuyên nghiệp được hiểu là sự đào sâu suy nghĩ, nắm bắt hiện tại, chú ý sự phát triển tương lai. Nó thể hiện ở chỗ các đề xuất của nhà tư vấn phải hợp tình, hợp lý, giải quyết được các vấn đề mà khách hàng đề ra một cách kịp thời, chính xác. Các đề xuất đó cần dựa trên dữ liệu chính xác, có điều tra xác minh trên cơ sở khoa học được bàn bạc, thảo luận, đánh giá chu đáo. Ngoài ra, tính chuyên nghiệp của nhà tư vấn còn được biểu hiện khi các sản phẩm tư vấn làm ra luôn phù hợp với quy định của nhà nước. Tính chuyên nghiệp của nhà tư vấn không chỉ thể hiện ở nội dung mà còn cả ở hình thức hồ sơ, văn bản, bản vẽ... Các sản phẩm tư vấn hoàn thành cần được trình bày một cách sáng tạo, sạch sẽ, rõ ràng, không bị nhầm lẫn và được quản lý khoa học.

Nhiều tham luận trình bày tại Hội thảo đã phân tích hiện trạng cơ cấu tổ chức và hoạt động, trình độ kỹ thuật của các tổ chức tư vấn xây dựng Việt Nam, đề xuất giải pháp để nâng cao tính chuyên nghiệp của tổ chức tư vấn, nhà tư vấn, kiến nghị Nhà nước sửa đổi một số cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho tư vấn trong nước phát triển.

Quá trình hội nhập kinh tế thế giới cũng như sự phát triển của nền kinh tế nước ta thời gian qua đã cho thấy tính chuyên nghiệp của các nhà tư vấn trong nước chưa cao, trình độ còn hạn chế, chưa theo kịp với đòi hỏi của thực tiễn. Có nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến tính chuyên nghiệp của các tổ chức làm dịch vụ tư vấn xây dựng ở nước ta đã được các đại biểu tham dự Hội thảo nêu ra và thảo luận, ví dụ như:



*Trao giải cho các đơn vị có sản phẩm tư vấn đạt chất lượng tiêu biểu*

- Mức phí tư vấn xây dựng ở nước ta hiện còn rất thấp so với nước ngoài (chỉ bằng khoảng 1-3% giá trị xây dựng), việc thanh toán thông qua nhiều khâu xét duyệt, bị cắt xén, thời hạn thanh toán bị chậm trễ,
- Giá phần mềm bản quyền cao là một khó khăn đối với các doanh nghiệp tư vấn xây dựng muốn trang bị phần mềm bản quyền.
- Cạnh tranh không lành mạnh giữa các đơn vị tư vấn, có hiện tượng bỏ thầu giá thấp để nhận được hợp đồng.
- Các tổ chức tư vấn thiếu tính liên kết
- Quy định của pháp luật liên quan đến đánh giá năng lực nhà thầu, quy định chất lượng hồ sơ mời thầu, trách nhiệm của các chủ thể trong quản lý chất lượng xây dựng còn thiếu cụ thể.
- Thiếu cán bộ giỏi có kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý ...

Chuyên nghiệp là một nhu cầu tự thân của mỗi tổ chức, mỗi kỹ sư tư vấn. Tuy nhiên, bên cạnh những nỗ lực của bản thân kỹ sư hay tổ chức, môi trường pháp lý, môi trường xã hội phù hợp và tư duy thị trường của khách hàng cũng là đòn bẩy để nâng cao tính chuyên nghiệp của các nhà tư vấn.

Thông qua Hội thảo này sẽ giúp các nhà tư vấn, cơ quan quản lý, chủ đầu tư nhận diện được thế nào là tính chuyên nghiệp của nhà tư vấn và đề ra các giải pháp để nâng cao tính chuyên nghiệp./.

**Minh Tuấn**

## **Kinh nghiệm Đài Loan trong việc huy động người dân tham gia xây dựng công trình công cộng để phát triển kiến trúc**

Phát triển hạ tầng đô thị là một trong những phương pháp được sử dụng rất rộng rãi để phát triển đô thị. Phương pháp này chủ yếu dựa vào nguồn vốn của chính phủ. Tuy nhiên, việc sử dụng phương pháp trên cũng gặp không ít khó khăn do trong những năm qua do quá trình đô thị hoá diễn ra rất nhanh, sự kém hiệu quả của bộ máy hành chính và sự suy giảm nguồn vốn của chính phủ. Làm thế nào để phát triển mô hình “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, vốn được coi là sẽ tạo ra động lực thu hút các nhà đầu tư tư nhân vào phát triển hạ tầng đô thị đang trở thành một đề tài được các nhà khoa học về quy hoạch đô thị quan tâm.

Trong thập kỷ trước Đài Loan đã triển khai 2 dự án lớn theo mô hình “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, đó là dự án đường tàu cao tốc Đài Loan và hệ thống chuyển tải liên hợp tại thành phố Cao Hùng. Kinh nghiệm đúc kết từ việc thực hiện hai dự án nêu trên được công bố dưới tiêu đề “Hoạt động thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân và các dự án hạ tầng cơ sở”. Chính phủ Đài Loan đã chấp nhận mô hình “Nhà nước và nhân dân cùng làm” là một trong những chính sách quan trọng của chính phủ. Một mô hình “Nhà nước và nhân dân cùng làm” tốt phải được xây dựng trên những kiến thức về các cách tiếp cận về động lực đổi mới và động lực tài chính để có thể nâng cấp chất lượng dịch vụ công, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội và khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào các dự án kết cấu hạ tầng. Việc ban hành một chính sách pháp luật phù hợp cùng với các hệ thống đã được thiết lập đã thúc đẩy áp dụng mô hình “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Qua đó, từng bước một mô hình này ngày càng được sử dụng rộng rãi để thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng ở Đài Loan.

“Hoạt động thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân vào các dự án kết cấu hạ tầng” không chỉ bao gồm các lĩnh vực kết cấu hạ tầng liên quan đến giao thông vận tải mà còn rất nhiều lĩnh vực khác của kết cấu hạ tầng mà khu vực tư nhân cũng quan tâm. Khái niệm “dự án kết cấu hạ tầng” được hiểu là bất kỳ một dự án nào dưới đây được sử dụng vì mục đích công cộng hay để thúc đẩy lợi ích công cộng: Hệ thống giao thông vận tải và hệ thống dẫn chất lỏng chung; thiết bị, hệ thống chống ô nhiễm môi trường; hệ thống cấp thoát nước và bảo vệ nguồn nước; hệ thống vệ sinh dịch tễ; hệ thống phúc lợi xã hội; hệ thống văn hoá và giáo dục; các thiết bị chính cho ngành du lịch; hệ thống cung cấp năng lượng, khí đốt và nhiên liệu; các cơ sở thể thao; công viên; các cơ sở công nghiệp, thương mại và công nghệ cao; xây dựng đô thị mới; hệ thống nông nghiệp.

Các dự án đã hoàn thành hoặc đang trong giai đoạn triển khai trong 5 năm qua tại Đài Loan:

- Trung tâm thể thao: Sân vận động Han Shin và văn phòng; sân vận động Taipei;
- Du lịch: Khách sạn 5 sao Lulu, Alishan, khu resort Kenting Guanshan;
- Nhà thương mại: Các toà nhà Dream Mall, Kaohsiung (toà nhà lớn nhất Đài Loan trị giá 18 tỷ Đài tệ);
- Giao thông vận tải: Khu tự do thương mại tại sân bay quốc tế Taoyuan (21 tỷ NDT), dự án BOT khu đỗ xe Kaohsiung Quan-Jin, tổ hợp thương mại, kinh doanh tại nhà ga Wanhua;
- Giáo dục đào tạo: Trường đại học quốc gia Chung Cheng, giai đoạn 3 khu ký túc xá sinh viên Trường đại học quốc gia HuaXing, khu ký túc xá sinh viên và khu giảng đường Trường đại học quốc gia Cheng Kung;

- Cơ sở khám chữa bệnh: Bệnh viện của đại học Y dược Taipei;

- Hệ thống cấp thoát nước: Nhà máy xử lý nước thải Taipei Tamsui và hệ thống ống thoát nước;

- Cơ sở công nghiệp lớn: Công viên khoa học Kaohsiung;

Với sự tham gia của các công ty tư nhân vào mô hình công - tư kết hợp cùng với việc áp dụng các kỹ thuật đánh giá tiền khả thi đối với thị trường, khoa học kỹ thuật, tài chính và đánh giá

sự phân bổ các ngành công nghiệp chính và công nghiệp phụ trợ, mô hình “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đã trở thành chính sách quan trọng của chính phủ đã và đang được thực hiện triệt để trong tất cả các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng ở Đài Loan.

**Huỳnh Phước**

*Theo báo cáo tại Hội thảo*

*Kinh nghiệm phát triển đô thị của Đài Loan*

*Tháng 12/2008*

## **Một số biện pháp phòng tránh tình trạng chậm thanh toán trong xây dựng cơ bản**

Đối với các doanh nghiệp thi công, khâu thanh, quyết toán công trình đang là một vấn đề khó giải quyết, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển của các doanh nghiệp. Để giải quyết vấn đề trên, doanh nghiệp thi công (nhà thầu) phải chịu thiệt hại từ nhiều phía. Nếu các doanh nghiệp nắm vững công tác quản lý kinh doanh, thì đây chính là biện pháp để giải quyết vấn đề trên.

### **1. Đánh giá đúng về tài liệu mời thầu**

Sau khi doanh nghiệp thi công nhận được tài liệu mời thầu cần có sự đánh giá chính xác về tình hình tín dụng, thực hiện thoả thuận, năng lực tài chính của bên giao thầu và trong các dự án khác họ không có hiện tượng kéo dài thời gian thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình; Hơn nữa, cũng cần lưu ý tới trình tự xét duyệt mời thầu dự án công trình có hoàn chỉnh hay không, điều kiện tạm ứng cho công trình; thời gian thanh toán; Thời hạn bảo hành;

### **2. Đánh giá hợp đồng thi công**

Sau khi trúng thầu dự án, trước khi ký hợp đồng với bên giao thầu, bên nhận thầu cần đánh giá đầy đủ các chi tiết. Nếu tài liệu mời thầu đã rõ ràng, thì không thể thay đổi văn bản trong hợp đồng và thông qua đó để đánh giá; Nếu tài liệu mời thầu không rõ ràng hoặc văn bản trong hợp đồng bị sửa đổi, doanh nghiệp thi

công căn cứ vào đó mà đánh giá kỹ lưỡng các điều kiện: tiêu chuẩn chất lượng và tiến độ hoàn thành; mức giá trong hợp đồng và mức tạm ứng cho công trình, xác nhận chất lượng công trình, cung ứng vật liệu thiết bị; quyết toán công trình hoàn thành và bảo hành chất lượng.

### **3. Thúc giục tiến độ thanh toán cho công trình**

Việc thúc giục tiến độ thanh toán cho công trình là rất quan trọng. Bên giao thầu dựa vào thoả thuận trong hợp đồng thi công mà tiến hành thanh toán, bởi việc thanh toán chậm sẽ ảnh hưởng rất lớn tới tiền vốn lưu động của doanh nghiệp nhận thầu. Người quản lý dự án của bên nhận thầu dựa theo các điều khoản thanh toán như đã thoả thuận trong hợp đồng, mà thúc giục bên giao thầu thanh toán kịp thời. Nếu bên giao thầu không thanh toán đúng thời hạn như đã thoả thuận, bên nhận thầu sẽ gửi thông báo yêu cầu thanh toán cho bên giao thầu. Nếu bên giao thầu vẫn không thực hiện đúng như thoả thuận, thì nhà thầu có thể thông báo cho bên giao thầu việc tạm dừng thi công, để tránh tăng thêm khoản nợ do bên giao thầu đang chậm thanh toán.

### **4. Quản lý giá vật liệu và thay đổi thoả thuận**

Trong hợp đồng đã ký kết, người phụ trách

kỹ thuật và kinh tế của bên nhận thầu cần đánh giá chính xác các lợi hại của việc thoả thuận để tránh việc đàm phán thay đổi các điều khoản hợp đồng dẫn đến những thiệt hại kinh tế cho nhà thầu.

Trong trường hợp có thay đổi thiết kế và dự toán, người phụ trách vấn đề kinh tế của dự án của nhà thầu cần tính toán lại giá trị của hợp đồng, lập báo cáo việc thay đổi giá trị hợp đồng cho bên giao thầu và bên giám sát quản lý xác nhận, để làm cơ sở cho việc thanh, quyết toán công trình khi đã hoàn thành. Đối với vật liệu như đã thoả thuận trong tài liệu mời thầu, trước khi mua sắm cần thông qua bên giao thầu xác nhận, tránh về sau khi quyết toán xảy ra tranh cãi, kéo dài nợ thanh toán cho công trình.

#### **5. Quản lý chất lượng và thời hạn**

Trong quá trình thi công, bên nhận thầu cần áp dụng các biện pháp bảo hành chất lượng, đảm bảo chất lượng của từng bộ phận, từng hạng mục, để các hạng mục công trình đạt tới tiêu chuẩn về chất lượng như đã thoả thuận trong hợp đồng. Kịp thời báo cáo nghiệm thu hoàn thành cho bên giao thầu và yêu cầu bên giao thầu tổ chức nghiệm thu, tránh về sau bên giao thầu lại lấy lý do không đạt chất lượng như trong hợp đồng, kéo dài thời gian quyết toán thi công và thanh toán cho công trình. Có hai vấn đề sau mà hai bên giao và nhận thầu cần phải lưu ý tránh gây mâu thuẫn là: khi bên nhận thầu không khởi công đúng thời hạn như đã thoả thuận trong hợp đồng thì phải có báo cáo lùi thời điểm khởi công cho bên giao thầu biết; hay bên giao thầu phải có thông báo tới bên nhận thầu các nguyên nhân dẫn tới không khởi công đúng như trong hợp đồng thi công.

#### **6. Quyết toán thi công**

Khi hợp đồng thi công đã được ký kết, cần rõ ràng về thời gian thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành. Nhân viên dự toán của bên nhận thầu cần chú ý thu thập, sắp xếp, bảo quản, quản lý vật liệu kinh doanh, kịp thời quyết toán

công trình đã hoàn thành. Sau khi nghiệm thu công trình đã hoàn thành phù hợp với thời gian như đã thoả thuận trong hợp đồng, bên nhận thầu cần hoàn chỉnh tài liệu quyết toán và làm báo cáo quyết toán gửi cho bên giao thầu để tránh về sau bên giao thầu lấy lý do kéo dài thời gian quyết toán và thời gian thanh toán công trình cho bên nhận thầu.

#### **7. Quản lý bàn giao công trình**

Nếu bên giao thầu đã xác nhận vào báo cáo quyết toán của bên nhận thầu, nhưng không thực hiện thanh toán cho bên nhận thầu và cũng không thực hiện những điều khoản ký kết trong hợp đồng kéo dài thời gian thanh toán, khi đó bên nhận thầu cần dứt khoát không bàn giao công trình cho bên giao thầu. Đây là điểm quan trọng mà bên nhận thầu cần hết sức lưu ý, bởi nó chính là điểm mấu chốt giải quyết khoản nợ thanh toán cho công trình.

#### **8. Cơ quan pháp luật tố tụng**

Căn cứ theo điều 286 của Luật hợp đồng nước CHND Trung Hoa quy định: Nếu bên giao thầu không thực hiện thanh toán đúng như thoả thuận trong hợp đồng, bên nhận thầu có thể thông báo thúc giục bên giao thầu thực hiện đúng như thời hạn đã giao kèo từ trước. Nếu quá thời hạn mà vẫn chưa thanh toán, thì bên nhận thầu có thể đề nghị Toà án cho đấu giá phù hợp với quy định của pháp luật. Vì công trình bị giảm giá hoặc đưa ra bán đấu giá nên chi phí xây dựng công trình sẽ được ưu tiên thanh toán. Phía nhận thầu cần chú trọng và áp dụng đúng quy định về quyền ưu tiên thanh toán công trình xây dựng, kịp thời đưa ra những yêu cầu bảo vệ quyền lợi với toà án, như vậy có thể đảm bảo giải quyết theo pháp luật về vấn đề nợ thanh toán cho công trình.

**Cát Dũng**

*Nguồn: Tạp chí xây dựng Trung Quốc số 22/2008*

**ND: Bích Ngọc**

## **Kiến nghị về công tác quản lý năng lực doanh nghiệp**

Sau khi Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các doanh nghiệp xây dựng nước ngoài đã từng bước thâm nhập vào thị trường Trung Quốc, tạo ra những thách thức mới cho các doanh nghiệp xây dựng trong nước. Trong tình hình mới này, điều quan trọng là các doanh nghiệp xây dựng cần phải nắm rõ các chính sách của nhà nước về quản lý tư chất doanh nghiệp, không ngừng nâng cao năng lực quản lý kinh doanh và điều chỉnh kết cấu sản nghiệp của các doanh nghiệp, từ đó tiến tới việc chiếm lĩnh thị trường.

### **I. Sự ảnh hưởng của tư chất đối với doanh nghiệp xây dựng**

Tư chất chính là tư cách và tố chất. Điều kiện tư chất là điều kiện trong đó cơ quan quản lý hành chính xây dựng chịu trách nhiệm thẩm tra năng lực nhân viên, trình độ quản lý, số lượng vốn và trình độ chuyên môn của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng như doanh nghiệp thi công xây dựng, đơn vị khảo sát thiết kế và đơn vị quản lý giám sát công trình để xác định phạm vi nghiệp vụ chuyên môn từ đó cấp giấy chứng nhận chuyên môn phù hợp với từng doanh nghiệp. Tư chất đóng vai trò quyết định sức cạnh tranh của doanh nghiệp, và là một trong những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp.

#### **1. Sự ảnh hưởng của tư chất đối với chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp**

Môi trường, năng lực thi công, thành tích, uy tín, tình trạng nhân lực, năng lực quản lý, trình độ chào giá đấu thầu, năng lực tài chính của doanh nghiệp tất cả đều là những yếu tố có ảnh hưởng nhất định đến sức cạnh tranh của doanh nghiệp, trong đó tư chất là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá những tiêu chuẩn trên. Cấp bậc, chủng loại chứng nhận tư chất của doanh nghiệp có liên quan trực tiếp đến sự tồn vong của doanh nghiệp. Quản lý tư chất đặt doanh nghiệp đứng trước nhiều nguy cơ, chính

vì thế các doanh nghiệp cần phải chú trọng phát triển, nâng cao mọi mặt, nếu để tư chất của doanh nghiệp bị hạ thấp thì sẽ đồng nghĩa với việc doanh nghiệp dần bị suy thoái.

#### **2. Sự ảnh hưởng của tư chất đối với cơ cấu tổ chức doanh nghiệp**

Hiện nay, do doanh nghiệp có kết cấu sản nghiệp đơn lẻ nên không có thế mạnh trong cạnh tranh. Cho nên nếu các doanh nghiệp chỉ bó hẹp cạnh tranh đầu tư trong lĩnh vực xây dựng cơ bản thì cho dù có mở rộng quy mô kinh doanh cũng vẫn khó nâng cao hiệu quả kinh tế và năng lực tổng hợp.

Các doanh nghiệp nên thông qua quản lý tư chất, căn cứ vào trình độ tư chất khác nhau thành lập các chi nhánh hoặc công ty con, điều hoà mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con, ưu hoá yếu tố phân bổ vốn, tạo ra ưu thế cho doanh nghiệp, liên tục nâng cao tư chất doanh nghiệp và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên, từng bước hợp lý hoá kết cấu sản nghiệp, từ đó phát triển các hình thức đa dạng hoá kinh doanh, quốc tế hoá kinh doanh, chiến lược hoá kinh doanh.

#### **3. Sự ảnh hưởng của tư chất đối với công tác quản lý kinh doanh của doanh nghiệp**

Doanh nghiệp muốn trúng thầu công trình thi công thì cần phải biết thu thập thông tin từ thị trường xây dựng, kết hợp quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp và tham gia các hoạt động cạnh tranh đấu thầu. Tư chất chính là “giấy thông hành” giúp cho doanh nghiệp có thể tham gia các hoạt động cạnh tranh, hoạt động đấu thầu dự án trong ngành. Cấp bậc, phạm vi, sự phân loại của tư chất có liên quan đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong thị trường xây dựng, ảnh hưởng trực tiếp đến thành tích kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp muốn nâng cao chỉ tiêu kinh doanh như chỉ tiêu đầu tư, chỉ tiêu sản xuất, chỉ tiêu lợi nhuận,... thì cần tăng cường quản lý và

nâng cao tư chất cho phù hợp với thực lực của doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội.

## **II. Quản lý tư chất trong tình hình mới**

### *1. Hoàn cảnh ra đời của tư chất mới*

1.1. Thích ứng với những thay đổi sau khi Trung Quốc gia nhập WTO

Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, theo thoả thuận, thời kỳ bao cấp trong lĩnh vực thầu công trình xây dựng đã kết thúc, nhà thầu quốc tế và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã chính thức gia nhập vào thị trường Trung Quốc, đã có khá nhiều tổng thầu và đơn vị thiết kế nước ngoài đạt được lợi nhuận cao và doanh thu lớn từ thị trường xây dựng Trung Quốc, trong khi đó các doanh nghiệp xây dựng trong nước lại chỉ nhận được những gói thầu nhỏ lẻ, lợi nhuận thấp. Vì vậy vai trò trụ cột của ngành xây dựng trong nền kinh tế quốc dân chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng nếu cục diện này không sớm được thay đổi.

### *1.2. Đẩy mạnh đổi mới khoa học kỹ thuật*

Trên thị trường xây dựng hiện nay, về cơ bản thì sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là cạnh tranh về trình độ khoa học kỹ thuật, vì vậy đổi mới khoa học kỹ thuật là động lực thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Theo quy định về quản lý tư chất, công tác đổi mới khoa học kỹ thuật được xem là tiêu chí đánh giá mới, yêu cầu các doanh nghiệp phải hết sức chú trọng công tác thúc đẩy khoa học kỹ thuật tiến bộ, xem đó là nhiệm vụ trọng tâm. Doanh nghiệp cần thông qua công tác nghiên cứu khoa học, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến nước ngoài, cải tiến công nghệ thi công để nâng cao trình độ thi công, đồng thời doanh nghiệp cũng cần kịp thời nâng cao hàm lượng kỹ thuật trong sản xuất thi công thông qua việc ứng dụng một cách phổ biến những kỹ thuật mới, công nghệ mới, vật liệu mới, thiết bị mới, tạo đà nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

*2. Sự khác biệt giữa quy định cũ và mới về quản lý tư chất*

Quy định cũ nặng về điều chỉnh kết cấu và

tăng cường quản lý trọng tâm. Còn quy định mới thì chú trọng điều hoà các mối quan hệ, sử dụng quyền lợi hợp lý, quản lý động thái và tăng cường giám sát quản lý. Tư chất mới chú trọng dẫn dắt doanh nghiệp phát triển theo xu hướng đổi mới khoa học kỹ thuật và tiến bộ kỹ thuật; mở rộng ngành nghề; chú trọng phát triển doanh nghiệp theo hướng tổng nhận thầu công trình xây dựng.

2.1. Thay đổi từ việc chú trọng vốn sang chú trọng tư chất và uy tín doanh nghiệp

Tiêu chuẩn cũ yêu cầu doanh nghiệp báo cáo cụ thể về vốn đăng ký, kết toán thu nhập công trình... Còn trong tiêu chuẩn mới, có bổ sung thêm các chỉ tiêu mới và xoá bỏ chỉ tiêu kết toán thu nhập công trình trong quy định cũ. Có thể thấy, tiêu chuẩn mới nhấn mạnh vai trò của việc sát hạch tình trạng tín dụng, năng lực tài chính tiền vốn của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp muốn phát triển mạnh thì cần phải tăng cường quản lý tài chính, chú trọng sử dụng vốn, mở rộng phạm vi đầu tư.

2.2. Thay đổi từ việc chú trọng số lượng đội ngũ nhân viên chuyển sang chú trọng chất lượng nguồn nhân lực

Tiêu chuẩn cũ chỉ đưa ra yêu cầu cụ thể về thời hạn năm, chức danh của nhân viên quản lý và có yêu cầu cụ thể về số lượng nhân viên kỹ thuật công trình, nhân viên quản lý kinh tế, giám đốc dự án. Nhưng tiêu chuẩn mới không chỉ đặt ra yêu cầu về thời hạn năm và chức danh đối với lãnh đạo, mà còn đặt ra yêu cầu về thành tích. Tiêu chuẩn mới cũng quy định kỹ sư trưởng và kế toán trưởng phải có chứng chỉ bằng cấp hợp lệ; riêng về kiến trúc sư cũng có chỉ tiêu số lượng cụ thể; Về cơ cấu đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cũng được quy định cụ thể.

2.3. Thay đổi từ việc chú trọng thiết bị máy móc sang chú trọng tiến bộ khoa học kỹ thuật

Tiêu chuẩn cũ yêu cầu các máy móc thi công và thiết bị kiểm tra chất lượng được sử dụng trong các công trình phải có báo cáo cụ

thể về tên gọi, số hiệu, quy cách, số lượng. Nhưng tiêu chuẩn mới không đưa ra quy định cụ thể về số hiệu, số lượng thiết bị, mà chú trọng trình độ khoa học kỹ thuật, đồng thời đây cũng là một chỉ tiêu sát hạch quan trọng.

#### 2.4. Nâng cao tiêu chuẩn thành tích

Nâng cao tiêu chuẩn để phù hợp với các công trình trong điểm, như yêu cầu của tiêu chuẩn mới đối với công trình đường sắt cao cấp như sau: trong vòng 10 năm chịu trách nhiệm thi công tuyến đường sắt cấp 1 với tổng chiều dài từ 300km trở lên (tiêu chuẩn cũ là 100km) hoặc công trình đường sắt dân dụng từ 100km trở lên (trước đây chưa quy định), đồng thời phụ trách nhiệm vụ thi công hai tuyến đường ngầm với chiều dài từ 3000m trở lên (theo tiêu chuẩn cũ là 1000m), mức hợp đồng dành riêng cho 2 công trình đường sắt là 500 triệu NDT trở lên (tiêu chuẩn cũ là 50 triệu NDT). Nâng cao tiêu chuẩn thành tích công trình nhằm thúc đẩy doanh nghiệp ngành xây dựng nâng cao sức sản xuất, chất lượng sản phẩm, kiến tạo ra nhiều công trình tiêu biểu.

#### 2.5. Điều chỉnh phạm vi nghiệp vụ nhận thầu công trình

Theo tiêu chuẩn mới, các doanh nghiệp xây dựng có thể mở rộng phạm vi nghiệp vụ ra các ngành nghề khác, quy định cụ thể đối với doanh nghiệp có chứng nhận tư chất đặc cấp như sau: nếu doanh nghiệp được cấp quyền làm tổng thầu đặc cấp và tổng thầu cấp một phụ trách 2 hạng mục công trình của một trong các công trình sau: công trình nhà ở, đường quốc lộ, đường sắt, cầu cảng và đường bay, thủy điện, thủy lợi thì có thể làm tổng thầu thi công công trình các cấp thuộc các công trình khác, đồng thời có thể triển khai các nghiệp vụ khác như thiết kế, quản lý dự án...; Doanh nghiệp có tư chất tổng thầu thi công cấp đặc biệt và tổng thầu thi công cấp một phụ trách 2 hạng mục công trình của một trong các công trình sau: công trình xây dựng nhà ở, khoáng sản, luyện kim, hoá dầu, điện lực thì có thể tiếp

nhận làm tổng thầu thi công và các nghiệp vụ khác trong cùng một công trình. Việc điều chỉnh phạm vi nghiệp vụ góp phần thúc đẩy doanh nghiệp phát triển theo xu hướng đa dạng hoá, kích lệ doanh nghiệp mở rộng các nghiệp vụ chuyên môn khác ngoài ngành. Đồng thời trong quy định cũng có điều khoản khống chế doanh nghiệp có tư chất cấp đặc biệt nhận thầu các công trình nhỏ lẻ để tránh xảy ra tình trạng cạnh tranh với các doanh nghiệp nhỏ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư chất thấp phát triển.

#### 2.6. Thay đổi phương thức xin cấp phép và cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận tư chất

Theo tiêu chuẩn mới, trình tự giám sát quản lý và cấp phép chứng chỉ tư chất được chia thành 3 cấp sau: cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, cơ quan quản lý chính quyền nhân dân cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan quản lý thuộc chính quyền nhân dân thành phố. Trong tiêu chuẩn mới cũng quy định cụ thể về quyền phê duyệt tư chất các cấp, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cụ thể đối với chuyên ngành thủy lợi, giao thông, thông tin, đường sắt, hàng không dân dụng, giao thông đường bộ, đường sắt trong thành phố. Ngoài ra trong tiêu chuẩn mới cũng quy định rõ về hồ sơ xin cấp phép và hồ sơ xin mở rộng nghiệp vụ.

#### 2.7. Giám sát quản lý chặt chẽ

Theo tiêu chuẩn cũ, cơ quan quản lý hành chính thực hiện chế độ kiểm tra tư chất thường niên, thông qua công tác kiểm tra để xác định cấp bậc tư chất, kiểm tra chất lượng, an toàn và thị trường của doanh nghiệp. Có 3 mức được đưa ra để đánh giá kiểm tra đó là đạt, bình thường và không đạt. Trong tiêu chuẩn cũ quy định, doanh nghiệp 3 năm liên đều đạt chuẩn tiêu chí kiểm tra thì được phép xin thăng cấp, doanh nghiệp nào không tham gia hoạt động kiểm tra thường niên thì sẽ bị thu hồi chứng chỉ, trong vòng 1 năm không được xin cấp lại chứng chỉ mới. Đối với các doanh nghiệp tư chất bị hạ cấp, sau 1 năm chỉnh đốn có thể xin cấp lại

chúng chỉ tư chất cũ.

Trong tiêu chuẩn mới có quy định các cơ quan quản lý xây dựng cấp trên phải tăng cường kiểm tra giám sát đối với cơ quan quản lý cấp dưới, kịp thời chỉnh đốn các sai phạm. Đồng thời khi thực hiện chức năng kiểm tra, cơ quan quản lý có quyền yêu cầu đơn vị bị kiểm tra cung cấp tài liệu có liên quan, hoặc trực tiếp vào trụ sở của đơn vị bị kiểm tra để tiến hành kiểm tra cụ thể. Quy định mới đặc biệt chú trọng chức năng giám sát quản lý, yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp tài liệu sát thực, đồng thời áp dụng thực hiện cơ chế xã hội giám sát và tăng cường hoạt động quản lý.

#### 2.8. Phương diện khác

Theo tiêu chí mới, “Quy định xử phạt” được đổi thành “Trách nhiệm pháp luật”, trên cơ sở quy định xử phạt cũ, tiến hành tăng cường ràng buộc trách nhiệm pháp luật đối với cơ quan quản lý tư chất và doanh nghiệp. Tiến hành giám sát quản lý ngay từ khi doanh nghiệp bắt đầu trình giấy phép xin cấp chứng chỉ tư chất, thiết lập hồ sơ tin dụng về doanh nghiệp, kịp thời áp dụng các biện pháp xử phạt như phạt tiền, hạ cấp bậc tư chất nếu thấy có sai phạm về pháp luật. Theo tiêu chuẩn mới, mọi căn cứ, lý do xử phạt đều phải báo cáo chi tiết cho cơ quan quản lý nhà nước. Về thời hạn hiệu lực, tiêu chuẩn mới quy định, thời hạn hiệu lực của chứng nhận tư chất là 5 năm, còn tiêu chuẩn cũ thực hiện chế độ kiểm tra, đánh giá hàng năm.

Trong tiêu chuẩn mới có bổ sung thêm rất nhiều yếu tố có lợi, như đối với các doanh nghiệp lần đầu xin cấp chứng nhận, hay xin cấp thêm chứng nhận tư chất nghiệp vụ mới thì cơ quan có chức năng thẩm định không thực hiện kiểm tra thành tích công trình, có thể thẩm định từ cấp bậc thấp nhất, ngoài ra việc thăng cấp tư chất không bị hạn chế về số năm. Những doanh nghiệp thực hiện chế độ cải cách, sát nhập, cải tổ cần phải quy chuẩn, hệ thống văn bản liên quan, như vậy sẽ giúp ích rất nhiều cho thực tế công tác quản lý tư chất.

Nói chung, công tác quản lý tư chất đã bước sang giai đoạn linh hoạt hoá, thông tin hoá, các quy định và tiêu chuẩn đã có tính quy chuẩn, chặt chẽ và khoa học hơn. Các doanh nghiệp xây dựng cần biết nắm bắt yêu cầu phát triển của xã hội, phát huy tối đa đặc điểm và ưu thế của doanh nghiệp, từng bước kiện toàn cơ chế quản lý, thiết lập đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao, nâng cấp trang thiết bị máy móc, nâng cao trình độ quản lý thông tin, quản lý tài chính, tạo dựng uy tín tốt đẹp, nâng cao cấp bậc tư chất và trình độ quản lý trong nội bộ doanh nghiệp để đảm bảo giữ vững thị trường ổn định lâu dài cho doanh nghiệp và đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường xây dựng.

**Thịnh Xuân Linh**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng TQ  
số 18/2008*



## HỘI NGHỊ GIAO BAN CÁC SỞ XÂY DỰNG PHÍA BẮC

Vĩnh Yên, ngày 27 tháng 02 năm 2009



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân và Bí thư tỉnh uỷ Vĩnh Phúc Trịnh Đình Dũng chủ trì Hội nghị



Bí thư tỉnh uỷ Vĩnh Phúc Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị